

10 ĐỀ THI GIỮA HK1 MÔN GDCD 11 NĂM 2021-2022

1. Đề cương ôn thi giữa HK1 môn GDCD 11

1.1. Hệ thống lý thuyết

1.1.1. Sản xuất của cải vật chất.

a. Thế nào là sản xuất của cải vật chất?

Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên biến đổi các yếu tố tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của con người.

b. Vai trò của sản xuất của cải vật chất

- Sản xuất của cải vật chất là cơ sở tồn tại của xã hội

- Sản xuất của cải vật chất quyết định mọi hoạt động của xã hội.

⇒ Sản xuất của cải vật chất là cơ sở cho sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người.

1.1.2. Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất

Có 3 yếu tố cơ bản:

- Sức lao động

+ Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần được vận dụng trong quá trình sản xuất.

+ Sức lao động gồm: thể lực và trí lực.

+ Lao động là hoạt động có mục đích có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

- Đối tượng lao động

+ Đối tượng lao động là những yếu tố của giới tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người.

+ Đối tượng lao động có hai loại: Đối tượng lao động có sẵn (gỗ, đất đai, khoáng sản...) và đối tượng lao động qua tác động của lao động (sợi để dệt vải, sắt thép, xi măng...)

+ Cùng với sự phát triển của lao động sản xuất và khoa học kĩ thuật, đối tượng lao động ngày càng đa dạng, phong phú. Con người ngày càng tạo ra những nguyên vật liệu nhân tạo có tính năng theo ý muốn.

+ Cần có ý thức sử dụng hợp lí và bảo vệ tài nguyên, môi trường sinh thái.

- Tư liệu lao động

+ Khái niệm: Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người.

+ Phân loại tư liệu lao động:

- Công cụ lao động
- Kết cấu hạ tầng
- Hệ thống bình chứa

1.1.3. Phát triển kinh tế và ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội

a. Phát triển kinh tế

- Là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội.

- Phát triển kinh tế gồm 3 nội dung:

+ Phát triển kinh tế biểu hiện trước hết ở sự tăng trưởng kinh tế

+ Tăng trưởng kinh tế là sự tăng lên về số lượng, chất lượng sản phẩm và các yếu tố của quá trình sản xuất ra nó trong một thời kì nhất định. Cơ sở của tăng trưởng kinh tế:

- Dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững.
- Phát triển kinh tế đi đôi với công bằng và tiến bộ xã hội, tạo điều kiện cho mọi người có quyền bình đẳng trong đóng góp và hưởng thụ kết quả của tăng trưởng kinh tế.
- Phù hợp với sự biến đổi nhu cầu phát triển toàn diện của con người và xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái
- Gắn với chính sách dân số phù hợp.
- Xây dựng cơ cấu kinh tế hợp lí và tiến bộ.

+ Công bằng xã hội.

b. Ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình, xã hội.

- Đối với cá nhân: Tạo điều kiện cho mỗi người nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cá nhân.

- Đối với gia đình: là tiền đề, cơ sở quan trọng để thực hiện tốt các chức năng của gia đình, xây dựng gia đình văn hóa.

- Đối với xã hội:

+ Làm tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội, chất lượng cuộc sống của cộng đồng được cải thiện. Tạo điều kiện giải quyết các vấn đề an sinh xã hội.

+ Là tiền đề vật chất để củng cố an ninh quốc phòng, giữ vững chế độ chính trị, tăng cường hiệu lực quản lí của nhà nước, củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

+ Là điều kiện kiên quyết để khắc phục sự tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước tiên tiến trên thế giới, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, mở rộng quan hệ quốc tế, định hướng xã hội chủ nghĩa.

1.1.4. Hàng hóa

a. Hàng hóa là gì?

Hàng hóa là sản phẩm lao động thỏa mãn nhu cầu của con người thông qua trao đổi, mua bán.

b. Đặc điểm hàng hóa

- Là một phạm trù lịch sử tồn tại trong nền sản xuất hàng hóa
- Sản xuất chỉ mang hình thái hàng hóa khi nó là đối tượng mua bán trên thị trường. Hàng hóa có thể ở dạng hữu cơ hay phi vật thể.

c. Hai thuộc tính của hàng hóa

- Hàng hóa gồm có hai thuộc tính: giá trị hàng hóa và giá trị sử dụng.
 - + Giá trị sử dụng
 - + Giá trị sử dụng của hàng hóa là công cụ của vật chất có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.
 - + Cùng với sự phát triển của khoa học, kĩ thuật giá trị sử dụng của một vật được phát hiện ra ngày càng phong phú và đa dạng.
 - + Giá trị sử dụng của hàng hóa là phạm trù vĩnh viễn.
 - Giá trị hàng hóa
 - + Giá trị của hàng hóa chính là hao phí sức lao động mà người sản xuất phải có để làm ra một đơn vị hàng hóa.
 - + Hao phí lao động từng người sản xuất được gọi là thời gian lao động cá biệt.
 - + Thời gian lao động cá biệt tạo ra giá trị cá biệt của hàng hóa.
 - + Nền sản xuất hàng hóa lượng giá trị không tính bằng thời gian lao động cá biệt mà tính bằng thời gian lao động cần thiết.
 - + Thời gian lao động cần thiết để sản xuất hàng hóa là thời gian cần thiết cho bất cứ lao động nào tiến hành với một trình độ thành thạo trung bình và một cường độ trung bình trong những điều kiện trung bình trong những hoàn cảnh xã hội nhất định.
 - + Thời gian lao động xã hội cần thiết tạo ra giá trị xã hội của hàng hóa.
 - + Người có: $TGLĐCB < TGLĐXHCT$: Lãi, $TGLĐCB > TGLĐXHCT$: Thua lỗ.
- ⇒ Hàng hóa là sự thống nhất giữa hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị. Đó là sự thống nhất của hai mặt đối lập mà thiếu một trong hai thuộc tính thì sản phẩm sẽ không trở thành hàng hóa. Hàng hóa biểu hiện quan hệ sản xuất xã hội giữa người sản xuất và trao đổi hàng hóa.

1.1.5. Tiền tệ

a. Nguồn gốc và bản chất tiền tệ

- Nguồn gốc: Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và các hình thái giá trị.
- + Hình thái giá trị đơn giản
- + Hình thái giá trị đầy đủ hay mở rộng
- + Hình thái chung của giá trị
- + Hình thái tiền tệ

- Bản chất: Tiền tệ là hàng hóa đặc biệt được tách ra làm vật ngang giá chung cho tất cả các hàng hóa, là sự thể hiện chung của giá trị, đồng thời, tiền tệ biểu hiện mối quan hệ sản xuất giữa người sản xuất hàng hóa.

b. Các chức năng của tiền tệ

- Thước đo giá trị

+ Tiền được dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa (giá cả).

+ Giá cả hàng hóa quyết định bởi các yếu tố: giá trị hàng hóa, giá trị tiền tệ, quan hệ cung – cầu hàng hóa.

- Phương tiện lưu thông

+ Theo công thức: Hàng – tiền – hàng (tiền là môi giới trao đổi).

+ Trong đó, Hàng – Tiền là quá trình bán, Tiền – Hàng là quá trình mua.

- Phương tiện cất trữ

Tiền rút khỏi lưu thông và được cất trữ, khi cần đem ra mua hàng, vì tiền đại biểu cho của cải xã hội dưới hình thái giá trị.

- Phương tiện thanh toán

+ Tiền dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán (trả tiền mua chịu hàng hóa, mua nợ, nộp thuế...)

- Tiền tệ thế giới:

Tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ trước đến nay sang nước khác, việc trao đổi tiền từ nước này sang nước khác theo tỉ giá hối đoái.

c. Quy luật lưu thông hàng hóa

- Quy luật lưu thông tiền tệ là quy luật quy định số lượng tiền tệ cần thiết cho lưu thông hàng hóa ở mỗi thời kì nhất định.

- Quy luật này được thể hiện: $M = (P \times Q) / V$

+ M : Số lượng tiền tệ cần thiết cho lưu thông

+ P: mức giá của đơn vị hàng hóa

+ Q: số lượng hàng hóa đem ra lưu thông

+ V: số vòng luân chuyển trung bình của một đơn vị tiền tệ.

1.1.6. Thị trường

- Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ.

- Các chức năng cơ bản của thị trường:

+ Chức năng thực hiện (hay thừa nhận) giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

+ Chức năng thông tin

+ Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

⇒ Hiểu và vận dụng được các chức năng của thị trường sẽ giúp cho người sản xuất và tiêu dùng dành được lợi ích kinh tế lớn nhất và nhà nước cần ban hành những chính sách kinh tế phù hợp nhằm hướng nền kinh tế vào những mục tiêu xác định.

1.1.7. Nội dung của quy luật giá trị

- Nội dung khái quát:

Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.

- Biểu hiện: Trong sản xuất và trong lưu thông

+ Trong sản xuất: quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa đó phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

+ Trong lưu thông: việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.

+ Đối với một hàng hóa, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa.

+ Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất.

1.1.8. Tác động của quy luật giá trị

a. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

- Là sự phân phối lại các yếu tố tư liệu sản xuất và sức lao động từ ngành sản xuất này sang ngành sản xuất khác theo hướng từ nơi có lãi ít hoặc không lãi sang nơi lãi nhiều thông qua biến động.

b. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên.

- Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận phải tìm cách cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao tay nghề của người lao động, hợp lí hóa sản xuất, thực hành tiết kiệm... làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa.

c. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

- Những người có điều kiện sản xuất thuận lợi, có trình độ, kiến thức cao, trang bị kĩ thuật tốt nên có hao phí lao động cá biệt thấp hơn hao phí lao động xã hội cần thiết. Nhờ đó giàu lên nhanh chóng, có điều kiện mua sắm thêm tư liệu sản xuất, đổi mới kĩ thuật, mở rộng sản xuất kinh doanh.

- Những người không có điều kiện thuận lợi làm ăn kém cỏi gặp rủi ro trong kinh doanh nên bị thua lỗ dẫn tới phá sản trở thành nghèo khó.

1.1.9. Vận dụng quy luật giá trị

a. Về phía nhà nước

- Xây dựng và phát triển mô hình kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Điều tiết thị trường, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận.

b. Về phía công dân

- Phân đấu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận.

- Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu.
- Đổi mới kĩ thuật - công nghệ, hợp lí sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa.

1.1.10. Cạnh tranh và nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

a. Khái niệm cạnh tranh

- Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm giành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

b. Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh

- Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh.
- Người sản xuất, kinh doanh có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

1.1.11. Mục đích của cạnh tranh và các loại cạnh tranh

a. Mục đích của cạnh tranh

- Gained nhiều lợi nhuận hơn người khác.

b. Biểu hiện

- Giành nguồn nguyên liệu và các nguồn lực sản xuất khác
- Giành ưu thế về khoa học và công nghệ
- Giành thị trường, nơi đầu tư, các hợp đồng, các mặt đơn hàng
- Giành ưu thế về chất lượng và giá cả hàng hóa, kể cả lắp đặt, bảo hành, sửa chữa, phương thức thanh toán, khuyến mãi...

c. Các loại cạnh tranh

- Cạnh tranh giữa người bán với nhau
- Cạnh tranh giữa người mua với nhau
- Cạnh tranh trong nội bộ ngành
- Cạnh tranh giữa các ngành
- Cạnh tranh trong nước với nước ngoài

1.1.12. Tính hai mặt của cạnh tranh

a. Mặt tích cực của cạnh tranh

- Kích thích lực lượng sản xuất, KH - KT...
- Khai thác tối đa mọi nguồn lực
- Thúc đẩy tăng trưởng, kinh tế, nâng cao năng lực...

b. Mặt hạn chế của cạnh tranh

- Chạy theo lợi nhuận một cách thiếu ý thức, vi phạm quy luật tự nhiên.

- Dùng mọi thủ đoạn để giành giật khách hàng
- Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường

1.1.13. Khái niệm cung - cầu

- Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định.

Ví dụ: Ông A mua xe đạp cho con đi học, thanh toán hết 700000 đồng.

- Cung là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường hay có thể đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định.

Ví dụ: Sau mùa thu hoạch lúa, ông A đã bán 10 tấn lúa và 5 tấn mía, còn lại 50 tấn lúa do sự biến động của giá cả trên thị trường ông A không bán số lúa còn lại mà chờ khi giá tăng lên ông mới bán.

1.1.14. Mối quan hệ cung - cầu

a. Nội dung khái quát quan hệ cung - cầu

- Quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ.

b. Biểu hiện của nội dung quan hệ cung - cầu:

- Cung – cầu tác động lẫn nhau.
- + Khi cầu tăng → sản xuất mở rộng → cung tăng
- + Khi cầu giảm → sản xuất thu hẹp → cung giảm
- Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường.
- + Khi cung lớn hơn cầu → giá giảm
- + Khi cung bé hơn cầu → giá tăng
- + Khi cung bằng cầu → giá ổn định
- Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung - cầu.
- + Khi giá tăng → sản xuất mở rộng → cung tăng
- + Khi giá giảm → sản xuất thu hẹp → cung giảm
- ⇒ giá cả và cung tỉ lệ thuận với nhau
- + Khi giá tăng → cầu giảm
- + Khi giá giảm → cầu tăng
- ⇒ giá cả và cầu tỉ lệ nghịch với nhau.

c. Vai trò của quan hệ cung - cầu

- Lí giải vì sao giá cả và giá trị hàng hoá không ăn khớp với nhau.
- Là căn cứ để các doanh nghiệp quyết định mở rộng hay thu hẹp sản xuất

- + Khi giá tăng thì các doanh nghiệp → Mở rộng SX
- + Khi giá giảm thì các doanh nghiệp → Thu hẹp SX
- Giúp người tiêu dùng lựa chọn việc mua hàng hoá phù hợp.
- + Khi nào nên mua hàng hoá: Cung > cầu
- + Khi nào không nên mua hàng hoá: Cung < cầu

1.1.15. Vận dụng quan hệ cung – cầu

a. Đối với Nhà nước:

- Cung < cầu do khách quan Nhà nước sử dụng lực lượng dự trữ quốc gia để tăng cung.
- Cung < cầu do đầu cơ tích trữ Nhà nước sử dụng lực lượng dự trữ để điều tiết và xử lý kẻ đầu cơ tích trữ.
- Cung > cầu Nhà nước dùng biện pháp kích cầu.

b. Đối với nhà sản xuất, kinh doanh:

- Tăng sản xuất kinh doanh khi cung < cầu, giá cả > giá trị.
- Thu hẹp sản xuất kinh doanh khi cung > cầu, giá cả < giá trị.

c. Đối với người tiêu dùng:

- Giảm mua các mặt hàng khi cung < cầu, giá cao.
- Mua các mặt hàng khi cung > cầu, giá thấp.

1.2. Bài tập

Câu hỏi ôn tập Bài 1

Câu 1: Sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của con người là nội dung của khái niệm

- A. Phát triển kinh tế.
- B. Sản xuất của cải vật chất.
- C. Quá trình lao động.
- D. Quá trình sản xuất.

Đáp án:

Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào tự nhiên, biến đổi các yếu tố của tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của con người.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 2: Đối với xã hội, sản xuất vật chất đóng vai trò là

- A. Cơ sở tồn tại và phát triển.
- B. Động lực phát triển.
- C. Thước đo phát triển.
- D. Cơ sở tồn tại.

Đáp án:

Sản xuất của cải vật chất là cơ sở tồn tại của xã hội, đồng thời quyết định mọi hoạt động của xã hội. Nếu không sản xuất của cải vật chất sẽ không có gì để đáp ứng các nhu cầu cơ bản của con người, đồng thời các hoạt động xã hội ngưng trệ, xã hội không thể tồn tại.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 3: Sản xuất của cải vật chất quyết định mọi hoạt động của xã hội, từ đó giúp con người ngày càng

- A. Giàu có và thoải mái hơn.
- B. Hoàn thiện và phát triển toàn diện
- C. Có nhiều điều kiện về mặt vật chất và tinh thần.
- D. Có cuộc sống phong phú và đa dạng.

Đáp án:

Thông qua hoạt động sản xuất của cải vật chất, con người ngày càng được hoàn thiện và phát triển toàn diện.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 4: Yếu tố nào không phải là yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất?

- A. Sức lao động.
- B. Đối tượng lao động.
- C. Tư liệu lao động.
- D. Lao động.

Đáp án:

Mọi quá trình sản xuất đều là sự kết hợp của ba yếu tố cơ bản: sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động. Còn lao động là sự tiêu dùng sức lao động trong hiện thực

Đáp án cần chọn là: D

Câu 5: Toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là nội dung của khái niệm

- A. Lao động
- B. Sức lao động.
- C. Đối tượng lao động.
- D. Tư liệu lao động.

Đáp án:

Sức lao động là toàn bộ những năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 6: Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người là nội dung của khái niệm

- A. Lao động.
- B. Sức lao động.
- C. Vận động.
- D. Sản xuất vật chất.

Đáp án:

Lao động là hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 7: Những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người được gọi là

- A. Tư liệu lao động.
- B. Cách thức lao động.
- C. Đối tượng lao động.
- D. Hoạt động lao động.

Đáp án:

Đối tượng lao động là những yếu tố của tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người

Đáp án cần chọn là: C

Câu 8: Đối tượng lao động gồm mấy loại?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Đáp án:

Đối tượng lao động có hai loại: Loại có sẵn trong tự nhiên và loại đã trải qua tác động của lao động.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 9: Đối tượng lao động nào dưới đây là đối tượng của ngành công nghiệp khai thác?

- A. Tôm cá.
- B. Sắt thép.
- C. Sợi vải.
- D. Hóa chất.

Đáp án:

Đối tượng lao động có sẵn trong tự nhiên, khai thác là dùng được => đối tượng của ngành công nghiệp khai thác (đất, tôm cá,...)

Đáp án cần chọn là: A

Câu 10: Con người ngày càng tạo ra nhiều nguyên vật liệu nhân tạo có tính năng, tác dụng theo ý muốn khiến cho đối tượng lao động ngày càng

- A. Hạn chế.
- B. Thu hẹp.
- C. Đa dạng.
- D. Tăng lên.

Đáp án:

Đối tượng lao động ngày càng đa dạng, phong phú, con người ngày càng tạo ra nhiều nguyên vật liệu nhân tạo có tính năng, tác dụng theo ý muốn

Đáp án cần chọn là: C

Câu 11: Một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người được gọi là

- A. Đối tượng lao động.
- B. Đối tượng sản xuất.
- C. Tư liệu sản xuất.
- D. Tư liệu lao động.

Đáp án:

Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động, nhằm biến đổi đối tượng lao động thành sản phẩm thỏa mãn nhu cầu của con người

Đáp án cần chọn là: D

Câu 12: Những nội dung nào sau đây không phải là yếu tố của tư liệu lao động?

- A. Công cụ lao động.
- B. Hệ thống bình chứa.
- C. Tư liệu sản xuất.
- D. Kết cấu hạ tầng.

Đáp án:

Đối tượng lao động và tư liệu lao động kết hợp lại thành tư liệu sản xuất

Đáp án cần chọn là: C

Câu 13: Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động thì yếu tố nào là quan trọng nhất?

- A. Công cụ lao động.
- B. Hệ thống bình chứa.
- C. Kết cấu lao động.
- D. Quan trọng như nhau.

Đáp án:

Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động thì công cụ lao động là quan trọng nhất. Nó là một trong những căn cứ cơ bản để phân biệt các thời đại kinh tế.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 14: Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố nào giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất?

- A. Đối tượng lao động.
- B. Tư liệu lao động.
- C. Sức lao động.
- D. Tư liệu sản xuất.

Đáp án:

Sức lao động với tính sáng tạo, giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất. Trình độ phát triển của tư liệu sản xuất là sự phản ánh sức lao động sáng tạo của con người.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 15: Công dân cần làm gì để thực hiện trách nhiệm của mình với sự phát triển kinh tế?

- A. Học tập, rèn luyện để nâng cao hiệu quả lao động.
- B. Tham gia vào thị trường lao động sớm không cần qua đào tạo.
- C. Tìm cách làm giàu bằng mọi giá.
- D. Phát triển kinh tế không gắn với bảo vệ môi trường.

Đáp án:

Trách nhiệm của mỗi công dân: thường xuyên rèn luyện, học tập để nâng cao hiệu quả lao động, góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, môi trường.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 16: Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội được gọi là

- A. Phát triển đời sống.
- B. Phát triển văn hóa.
- C. Phát triển xã hội.
- D. Phát triển kinh tế.

Đáp án:

Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội

Đáp án cần chọn là: D

Câu 17: Nội dung nào dưới đây không phải là nội dung của phát triển kinh tế?

- A. Tăng trưởng kinh tế.
- B. Quy mô tăng trưởng kinh tế.
- C. Tốc độ tăng trưởng kinh tế.
- D. Cơ cấu kinh tế hợp lí.

Đáp án:

Phát triển kinh tế gồm 3 nội dung: Sự tăng trưởng kinh tế, Quy mô tăng trưởng kinh tế, Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Đáp án cần chọn là: D

Câu 18: Sự tăng trưởng kinh tế phải dựa trên cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế

- A. Ổn định.
- B. Bền vững.
- C. Liên tục.
- D. Phù hợp.

Đáp án:

Cơ sở của tăng trưởng kinh tế: cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ để đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững

Đáp án cần chọn là: B

Câu 19: Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân?

- A. Giúp có việc làm và tạo thu nhập ổn định.
- B. Nâng cao chất lượng cuộc sống.
- C. Gia tăng phúc lợi xã hội.
- D. Phát triển toàn diện bản thân.

Đáp án:

Gia tăng phúc lợi xã hội là ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với xã hội.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 20: Nội dung nào sau đây không phải là ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với xã hội?

- A. Giảm bớt đói nghèo.
- B. Tạo điều kiện củng cố an ninh quốc phòng.
- C. Tạo tiền đề vật chất phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

D. Tạo tiền đề thực hiện tốt các chức năng của gia đình.

Đáp án:

Kinh tế tạo tiền đề để thực hiện tốt các chức năng của gia đình là ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với gia đình.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 21: Việc làm nào dưới đây thể hiện công dân biết góp phần phát triển kinh tế quốc gia?

- A. Chỉ sử dụng các sản phẩm hàng hóa nước ngoài.
- B. Ủng hộ phong trào “Người Việt dùng hàng Việt”.
- C. Trốn thuế để thu được nhiều lợi nhuận nhất có thể.
- D. Xả rác thải độc hại chưa qua xử lí ra môi trường.

Đáp án:

Công dân ủng hộ phong trào Người Việt dùng hàng Việt là hành động giúp đỡ, ủng hộ các doanh nghiệp trong nước, góp phần thúc đẩy nền kinh tế đất nước phát triển.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 22: Ông A là giám đốc công ty X muốn tăng năng suất lao động thông qua việc nâng cao sức lao động của công nhân. Ông A nên làm gì?

- A. Yêu cầu công nhân làm tăng ca.
- B. Để công nhân tự do làm việc theo ý muốn.
- C. Chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của công nhân.
- D. Đổi mới công nghệ sản xuất.

Đáp án:

Ông A nên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của công nhân để công dân có năng lực thể chất và tinh thần tốt nhất, từ đó có thể nâng cao sức lao động, lao động hiệu quả, nâng cao năng suất.

Đáp án cần chọn là: C

Câu hỏi ôn tập Bài 2

Câu 1: Sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua – bán được gọi là

- A. Đồ vật.
- B. Hàng hóa.
- C. Tiền tệ.
- D. Kinh tế.

Đáp án:

Hàng hóa là sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn một nhu cầu nào đó của con người thông qua trao đổi mua - bán

Đáp án cần chọn là: B

Câu 2: Nội dung nào dưới đây không phải là điều kiện để một vật phẩm trở thành hàng hóa?

- A. Do lao động tạo ra.
- B. Có công dụng thỏa mãn được nhu cầu của con người.
- C. Thông qua trao đổi, mua bán.
- D. Có giá cả xác định để trao đổi.

Đáp án:

Một vật phẩm chỉ trở thành hàng hóa khi nó có đủ 3 yếu tố sau: Do lao động tạo ra, có công dụng nhất định thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người và trước khi đi vào tiêu dùng phải thông qua trao đổi, mua bán.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 3: Hàng hóa chỉ tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa, ở hai dạng là vật thể và phi vật thể. Vì vậy, hàng hóa là một phạm trù mang tính

- A. Xã hội.
- B. Lịch sử.
- C. Vĩnh viễn.
- D. Bất biến.

Đáp án:

Hàng hóa là phạm trù lịch sử, chỉ tồn tại trong nền kinh tế hàng hóa, ở dạng vật thể hoặc phi vật thể

Đáp án cần chọn là: B

Câu 4: Yếu tố nào dưới đây được coi là hàng hóa?

- A. Dịch vụ giao hàng tại nhà.
- B. Ánh sáng mặt trời tự nhiên.
- C. Rau nhà trồng để nấu ăn.
- D. Cây xanh trong công viên.

Đáp án:

Dịch vụ giao hàng tại nhà được thực hiện bởi sức lao động của người giao hàng, giúp người mua có thể mua được hàng mà không cần đến tận nơi, và người giao hàng sẽ được trả công cho hoạt động dịch vụ của mình.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 5: Yếu tố nào dưới đây không được coi là hàng hóa?

- A. Dịch vụ cắt tóc.
- B. Đồ ăn bán ngoài chợ.
- C. Dịch vụ giao hàng tại nhà.

D. Rau nhà trồng để ăn.

Đáp án:

Rau nhà trồng để ăn, do sức lao động của con người tạo ra, thỏa mãn nhu cầu cho gia đình nhưng không thông qua trao đổi mua bán nên không được coi là hàng hóa.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 6: Hàng hóa gồm mấy thuộc tính cơ bản?

- A. 1
- B. 2
- C. 3
- D. 4

Đáp án:

Hàng hóa gồm có hai thuộc tính: giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 7: Công dụng của sản phẩm có thể thỏa mãn được nhu cầu nào đó của người sử dụng được gọi là

- A. Giá trị
- B. Giá cả
- C. Giá trị sử dụng
- D. Giá trị cá biệt

Đáp án:

Giá trị sử dụng của hàng hóa là công cụ của vật chất có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 8: Để bán được hàng hóa, nhà sản xuất nên

- A. Chú ý đến số lượng hơn chất lượng.
- B. Nâng cao chất lượng, đa dạng công dụng của hàng hóa.
- C. Chỉ chú trọng hình thức của sản phẩm.
- D. Tìm mọi cách để giảm giá sản phẩm.

Đáp án:

Để bán được trên thị trường, người sản xuất luôn tìm cách làm cho hàng hóa của mình có chất lượng cao và có nhiều công dụng, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 9: Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua

- A. Giá trị trao đổi.

- B. Giá trị sử dụng.
- C. Giá trị lao động.
- D. Giá trị cá biệt.

Đáp án:

Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua giá trị trao đổi của nó. Giá trị trao đổi là một quan hệ về số lượng, hay tỉ lệ trao đổi giữa các hàng hóa có giá trị sử dụng khác nhau.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 10: Giá trị hàng hóa là lao động xã hội của ai kết tinh trong hàng hóa đó?

- A. Người bán.
- B. Người mua.
- C. Người vận chuyển.
- D. Người sản xuất.

Đáp án:

Giá trị hàng hóa là lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa đó.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 11: Kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và các hình thái giá trị là xuất hiện

- A. Thị trường.
- B. Hàng hóa.
- C. Tiền tệ.
- D. Kinh tế.

Đáp án:

Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và các hình thái giá trị. Có bốn hình thái giá trị phát triển từ thấp lên cao dẫn đến sự ra đời của tiền tệ.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 12: Những nội dung nào sau đây không phải là chức năng của tiền tệ?

- A. Thước đo giá trị.
- B. Phương tiện cất trữ.
- C. Phương tiện thanh toán.
- D. Điều tiết tiêu dùng.

Đáp án:

Tiền tệ có 5 chức năng gồm: Thước đo giá trị, phương tiện lưu thông, phương tiện cất trữ, phương tiện thanh toán, tiền tệ thế giới.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 13: Tiền thực hiện chức năng phương tiện thanh toán khi nào?

- A. Gửi tiết kiệm trong ngân hàng.
- B. Nộp thuế thu nhập cá nhân.
- C. Đi mua đồ ăn trong siêu thị.
- D. Mua đồ qua trang mạng quốc tế.

Đáp án:

Tiền làm chức năng phương tiện thanh toán khi được dùng để chi trả sau giao dịch. Việc nộp thuế thu nhập cá nhân là việc công dân làm sau khi đã có tổng thu nhập theo quy định của Luật Thuế thu nhập cá nhân.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 14: Khi trao đổi hàng hóa vượt ra khỏi biên giới quốc gia thì tiền thực hiện chức năng

- A. Phương tiện lưu thông.
- B. Phương tiện thanh toán.
- C. Thước đo giá trị.
- D. Tiền tệ thế giới.

Đáp án:

Khi trao đổi hàng hóa vượt ra khỏi biên giới quốc gia thì tiền làm nhiệm vụ di chuyển của cải từ trước đến nay sang nước khác, thực hiện chức năng tiền tệ thế giới.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 15: Lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ được gọi là

- A. Chợ.
- B. Kinh tế.
- C. Thị trường.
- D. Sản xuất.

Đáp án:

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 16: Các nhân tố cơ bản của thị trường là:

- A. Hàng hóa; tiền tệ; người mua; người bán.
- B. Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị.
- C. Người mua, người bán, người sản xuất, giá cả.

D. Người bán, người sản xuất, cung – cầu.

Đáp án:

Các nhân tố cơ bản của thị trường là: hàng hóa; tiền tệ; người mua; người bán. Từ đó hình thành các quan hệ: hàng hóa – tiền tệ, mua – bán, cung – cầu, giá cả hàng hóa

Đáp án cần chọn là: A

Câu 17: Anh X sau quá trình nghiên cứu, học hỏi đã làm được một sản phẩm dinh dưỡng rất thơm ngon, được người mua phản hồi tốt, số lượng đơn hàng ngày càng tăng. Trong trường hợp này, thị trường đã thực hiện chức năng

- A. Chức năng điều tiết sản xuất và tiêu dùng.
- B. Chức năng thông tin.
- C. Chức năng kích thích sản xuất và tiêu dùng.
- D. Chức năng thực hiện giá trị sử dụng và giá trị của hàng hóa.

Đáp án:

Anh X mang sản phẩm của mình ra thị trường bán. Sản phẩm đó phù hợp với nhu cầu, thị hiếu của xã hội nên bán được, những chi phí lao động để sản xuất ra sản phẩm đó được xã hội chấp nhận, giá trị của sản phẩm được thực hiện.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 18: Dựa vào chức năng nào của thị trường mà người bán đưa ra những quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận, còn người mua sẽ điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất?

- A. Chức năng thông tin.
- B. Chức năng thực hiện giá trị sử dụng và giá trị.
- C. Chức năng điều tiết sản xuất và tiêu dùng.
- D. Chức năng kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

Đáp án:

Chức năng thông tin: Là căn cứ quan trọng để người bán đưa ra những quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận, còn người mua sẽ điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

Đáp án cần chọn là: A

Câu hỏi ôn tập Bài 3

Câu 1: Quy luật giá trị yêu cầu sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động

- A. Xã hội cần thiết.
- B. Cá biệt của người sản xuất.
- C. Tối thiểu của xã hội.
- D. Trung bình của xã hội.

Đáp án:

Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó

Đáp án cần chọn là: A

Câu 2: Trong sản xuất, người sản xuất phải đảm bảo thời gian lao động cá biệt để sản xuất từng hàng hóa như thế nào với thời gian lao động xã hội cần thiết?

- A. Bằng nhau.
- B. Lớn hơn.
- C. Phù hợp.
- D. Tương đương.

Đáp án:

Trong sản xuất: người sản xuất phải đảm bảo thời gian lao động cá biệt để sản xuất từng hàng hóa phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 3: Trong quá trình sản xuất, người A có thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết, khi đó, người A sẽ

- A. Thu được lợi nhuận.
- B. Thu lợi nhuận cao.
- C. Hòa vốn.
- D. Lỗ vốn.

Đáp án:

Khi người lao động có giá trị lao động cá biệt lớn hơn giá trị lao động xã hội cần thiết sẽ vi phạm yêu cầu của quy luật giá trị và sẽ bị lỗ vốn.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 4: Trong lưu thông: việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc

- A. Tôn trọng lẫn nhau.
- B. Bình đẳng, đôi bên cùng có lợi.
- C. Ngang giá.
- D. Phù hợp nhu cầu của nhau.

Đáp án:

Trong lưu thông: việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 5: Trên thị trường, bao giờ giá cả hàng hóa cũng vận động xoay quanh trục

- A. Giá trị lao động cá biệt.
- B. Giá trị của hàng hóa.

- C. Nhu cầu của người tiêu dùng.
- D. Giá trị sử dụng của hàng hóa.

Đáp án:

Trên thị trường, bao giờ giá cả hàng hóa cũng vận động xoay quanh trục giá trị hàng hóa hay xoay quanh trục thời gian lao động xã hội cần thiết.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 6: Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải như thế nào so với tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất?

- A. Lớn hơn.
- B. Nhỏ hơn.
- C. Bằng nhau.
- D. Không liên quan.

Đáp án:

Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất

Đáp án cần chọn là: C

Câu 7: Nội dung nào sau đây không phải là tác động của quy luật giá trị?

- A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.
- C. Phân hóa giàu – nghèo.
- D. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

Đáp án:

Tác động của quy luật giá trị là: điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa, kích thích lực lượng sản xuất phát triển và năng suất lao động tăng lên, phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 8: Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận cần tránh

- A. Giảm năng suất lao động.
- B. Cải tiến kĩ thuật.
- C. Nâng cao tay nghề người lao động.
- D. Thực hành tiết kiệm.

Đáp án:

Người sản xuất, kinh doanh muốn thu nhiều lợi nhuận phải tìm cách cải tiến kĩ thuật, tăng năng suất lao động, nâng cao tay nghề của người lao động, hợp lí hóa sản xuất, thực hành

tiết kiệm... làm cho giá trị hàng hóa cá biệt của họ thấp hơn giá trị xã hội của hàng hóa → làm cho kĩ thuật, lực lượng sản xuất và năng suất lao động xã hội được nâng cao.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 9: Đối với quy luật giá trị, sự phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất là một trong những mặt

- A. Thuận lợi.
- B. Khó khăn.
- C. Quan trọng.
- D. Hạn chế.

Đáp án:

Đối với quy luật giá trị, sự phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất là một trong những mặt hạn chế cần được tính đến khi vận dụng nó ở nước ta hiện nay.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 10: Nguyên nhân dẫn đến việc phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất là do điều kiện sản xuất của từng người là

- A. Như nhau.
- B. Khác nhau.
- C. Giống nhau.
- D. Bằng nhau.

Đáp án:

Nguyên nhân dẫn đến việc phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất là do điều kiện sản xuất của từng người là khác nhau.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 11: Khi năng suất lao động tăng mà giá cả hàng hóa đó trên thị trường không đổi thì lợi nhuận sẽ

- A. Tăng lên
- B. Không đổi.
- C. Giảm xuống.
- D. Ổn định.

Đáp án:

Nếu giá cả không đổi, khi năng suất lao động tăng, người sản xuất sẽ được tăng lợi nhuận.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 12: Ba cửa hàng bánh sinh nhật là A, B và C có chất lượng, mẫu mã tương đương nhau. Cửa hàng A làm 1 chiếc bánh mất 3h, cửa hàng B làm 1 chiếc bánh mất 5h, cửa hàng C làm 1 chiếc bánh mất 7h. Trong khi đó, thời gian lao động xã hội cần thiết để làm ra 01 chiếc bánh là 5h. Vậy, nhà sản xuất nào sẽ thu được lợi nhuận?

- A. Cả ba nhà sản xuất A, B và C.
- B. Nhà sản xuất A.
- C. Nhà sản xuất A và B.
- D. Nhà sản xuất B và C.

Đáp án:

Cửa hàng A và B có thời gian lao động cá biệt phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết, là phù hợp với quy luật giá trị nên sẽ thu được lợi nhuận.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 13: Anh X mở một xưởng sản xuất giày da. Để có thể thu được nhiều lợi nhuận, anh X nên làm gì?

- A. Giảm chất lượng hàng hóa.
- B. Tập trung đẩy mạnh quảng cáo
- C. Sử dụng công nghệ sản xuất lạc hậu.
- D. Tăng năng suất lao động.

Đáp án:

Để thu được nhiều lợi nhuận, anh X nên sử dụng các biện pháp khác nhau để tăng năng suất lao động, từ đó giảm thời gian lao động cá biệt, phù hợp với quy luật giá trị.

Đáp án cần chọn là: D

Câu hỏi ôn tập Bài 4

Câu 1: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm dành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận được gọi là

- A. Cạnh tranh.
- B. Cung – cầu.
- C. Sản xuất.
- D. Học hỏi kinh nghiệm.

Đáp án:

Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm dành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 2: Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các

- A. Cửa hàng.
- B. Cơ sở sản xuất.
- C. Chủ thể kinh tế.
- D. Người bán và người mua.

Đáp án:

Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm dành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 3: Đối tượng của cạnh tranh là

- A. Vị trí đứng đầu.
- B. Các giải thưởng cho doanh nghiệp.
- C. Học hỏi kinh nghiệm.
- D. Các điều kiện thuận lợi để thu lợi nhuận.

Đáp án:

Cạnh tranh là sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa nhằm dành những điều kiện thuận lợi để thu được nhiều lợi nhuận.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 4: Nguyên nhân của cạnh tranh là

- A. Những nhà sản xuất có bất đồng quan điểm.
- B. Các chủ thể kinh tế độc lập và điều kiện và lợi ích khác nhau.
- C. Các chủ thể kinh tế sản xuất các mặt hàng khác nhau.
- D. Những nhà sản xuất muốn thi đua với nhau giành các giải thưởng.

Đáp án:

Cạnh tranh diễn ra do sự tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất, kinh doanh, có điều kiện sản xuất và lợi ích khác nhau.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 5: Cạnh tranh ra đời khi

- A. Con người biết sản xuất.
- B. Sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện.
- C. Thực hiện chế độ bao cấp.
- D. Xuất hiện loài người.

Đáp án:

Cạnh tranh ra đời cùng quá trình sản xuất và lưu thông hàng hóa.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 6: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là giành nhiều

- A. Hợp đồng.
- B. Ưu thế về khoa học và công nghệ.
- C. Ưu thế về chất lượng.

D. Lợi nhuận.

Đáp án:

Mục đích cuối cùng là giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác

Đáp án cần chọn là: D

Câu 7: Nội dung nào dưới đây không phải là biểu hiện của cạnh tranh

- A. Giành nguồn nguyên liệu.
- B. Giành ưu thế về khoa học công nghệ.
- C. Giải quyết mâu thuẫn giữa các chủ thể kinh tế.
- D. Giành ưu thế về chất lượng và giá cả hàng hóa.

Đáp án:

Giải quyết mâu thuẫn giữa các chủ thể kinh tế không phải là biểu hiện của cạnh tranh.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 8: Nội dung nào dưới đây không phải là mặt tích cực của cạnh tranh?

- A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.
- B. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.
- C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
- D. Gây rối loạn thị trường.

Đáp án:

Cạnh tranh tiêu cực, các chủ thể kinh tế đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường là biểu hiện mặt tiêu cực của cạnh tranh.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 9: Trong sản xuất và lưu thông, cạnh tranh lành mạnh, đúng pháp luật được coi là

- A. Điều tốt đẹp của nền kinh tế.
- B. Động lực kinh tế.
- C. Gây rối loạn thị trường.
- D. Vi phạm quy luật tự nhiên.

Đáp án:

Cạnh tranh theo đúng pháp luật và gắn liền với các mặt tích cực là cạnh tranh lành mạnh, là động lực kinh tế của sản xuất và lưu thông.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 10: Cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt hạn chế nhưng mặt cơ bản, mang tính trội là

- A. Mặt tích cực.
- B. Mặt hạn chế.

C. Cả A và B đúng.

D. Cả A và B sai.

Đáp án:

Cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt hạn chế nhưng mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội, còn mặt hạn chế sẽ được nhà nước điều tiết thông qua giáo dục, pháp luật và các chính sách kinh tế - xã hội thích hợp.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 11: Mặt hạn chế của cạnh tranh sẽ được điều tiết thông qua

A. Giáo dục và pháp luật, chính sách của Nhà nước.

B. Ý thức tự giác của các chủ thể kinh tế.

C. Dư luận xã hội lên án.

D. Hội nhập quốc tế.

Đáp án:

Cạnh tranh là quy luật kinh tế tồn tại khách quan, vừa có mặt tích cực vừa có mặt hạn chế nhưng mặt tích cực là cơ bản, mang tính trội, còn mặt hạn chế sẽ được nhà nước điều tiết thông qua giáo dục, pháp luật và các chính sách kinh tế - xã hội thích hợp.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 12: Nội dung nào dưới đây là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên.

B. Khai thác cạn kiệt tài nguyên.

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

D. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.

Đáp án:

Một trong những mặt hạn chế của cạnh tranh là việc các chủ thể kinh tế chạy theo lợi nhuận một cách thiếu ý thức, vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên dẫn đến tình trạng tài nguyên bị cạn kiệt.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 13: Hoạt động nào sau đây được coi là cạnh tranh lành mạnh?

A. Tìm mọi cách để hạ giá thành sản phẩm.

B. Đầu cơ tích trữ hàng hóa trong mùa mưa lũ.

C. Tăng cường khuyến mại để thu hút khách.

D. Sử dụng nguyên liệu kém chất lượng để sản xuất.

Đáp án:

Việc tăng cường khuyến mại là một hình thức quảng bá, thu hút khách hàng để sản phẩm tiếp cận được với nhiều khách hàng hơn, gia tăng doanh số, tăng khả năng cạnh tranh một cách lành mạnh.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 14: Hành vi nào dưới đây là mặt trái của cạnh tranh?

- A. Quảng bá sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng.
- B. Sử dụng nguyên liệu kém chất lượng để hạ giá thành sản phẩm.
- C. Tăng cường khuyến mại để thu hút khách hàng.
- D. Đổi mới công nghệ - kĩ thuật để tăng năng suất lao động.

Đáp án:

Việc sử dụng nguyên liệu kém chất lượng có thể hạ giá thành sản phẩm nhưng sẽ khiến chất lượng sản phẩm kém, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng, làm rối loạn thị trường, vi phạm quy định của pháp luật. Đây là mặt trái của cạnh tranh.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 15: Nếu em là người sản xuất, em sẽ làm gì để tăng sức cạnh tranh cho hàng hóa của mình?

- A. Tăng chất lượng hàng hóa, thực hiện nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn.
- B. Dùng mọi thủ đoạn để giành khách hàng.
- C. Làm hàng giả để thu được nhiều lợi nhuận.
- D. Nhập lậu nguyên liệu để giảm giá thành sản xuất.

Đáp án:

Người sản xuất nên tăng chất lượng hàng hóa, thực hiện nhiều chương trình khuyến mãi để khẳng định thương hiệu, được khách hàng tin tưởng và ủng hộ.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 16: Các sản phẩm nông nghiệp nước ta rất đa dạng, phong phú nhưng gặp nhiều khó khăn khi phải cạnh tranh với sản phẩm của các nước khác có chất lượng tốt. Theo em, để vượt qua khó khăn, tăng sức cạnh tranh, người nông dân cần làm gì để tăng tính cạnh tranh?

- A. Đổi mới công nghệ sản xuất.
- B. Hạ giá sản phẩm tối đa.
- C. Sử dụng thêm chất kích thích, chất bảo quản thực vật.
- D. Bỏ qua yếu tố môi trường.

Đáp án:

Để tăng khả năng cạnh tranh, người nông dân cần đổi mới công nghệ sản xuất để làm ra những sản phẩm nông nghiệp sạch, hình thức đẹp, chất lượng cao, giá thành phù hợp, đáp ứng yêu cầu của người tiêu dùng, từ đó tăng sức cạnh tranh.

Đáp án cần chọn là: A

Câu hỏi ôn tập Bài 5

Câu 1: Khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định được gọi là

- A. Cung.
- B. Cầu.
- C. Giá trị.
- D. Quy luật cung – cầu.

Đáp án:

Cầu: là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định. Cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu có khả năng thanh toán.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 2: Khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định được gọi là

- A. Cung.
- B. Cầu.
- C. Giá trị.
- D. Quy luật cung – cầu.

Đáp án:

Cung: là khối lượng hàng hóa, dịch vụ hiện có trên thị trường và chuẩn bị đưa ra thị trường trong một thời kì nhất định, tương ứng với mức giá cả, khả năng sản xuất và chi phí sản xuất xác định

Đáp án cần chọn là: A

Câu 3: Cầu là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với

- A. Khả năng thanh toán.
- B. Khả năng sản xuất.
- C. Giá cả và giá trị xác định.
- D. Giá cả và thu nhập xác định.

Đáp án:

Cầu: là khối lượng hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng cần mua trong một thời kì nhất định tương ứng với giá cả và thu nhập xác định. Cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu có khả năng thanh toán

Đáp án cần chọn là: D

Câu 4: Quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định

- A. giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ.
- B. khả năng sản xuất của thị trường.
- C. nhu cầu của thị trường.
- D. giá cả và nhu cầu xác định.

Đáp án:

Quan hệ cung - cầu là mối quan hệ tác động lẫn nhau giữa người bán với người mua hay giữa những người sản xuất với những người tiêu dùng diễn ra trên thị trường để xác định giá cả và số lượng hàng hóa dịch vụ

Đáp án cần chọn là: A

Câu 5: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cầu tăng thì người sản xuất có xu hướng

- A. Thu hẹp sản xuất.
- B. Mở rộng sản xuất.
- C. Giữ nguyên sản xuất.
- D. Ngừng sản xuất.

Đáp án:

Khi cầu tăng, người sản xuất có xu hướng mở rộng sản xuất để đáp ứng nhu cầu của thị trường, từ đó cung có xu hướng tăng lên.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 6: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cầu giảm, cung có xu hướng

- A. Tăng.
- B. Giảm.
- C. Giữ nguyên.
- D. Bằng cầu.

Đáp án:

Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cầu giảm sản xuất sẽ bị thu hẹp khiến cung có xu hướng giảm.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 7: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cung lớn hơn cầu thì giá cả thị trường so với giá trị hàng hóa trong sản xuất sẽ

- A. Thấp hơn.
- B. Cao hơn.
- C. Bằng nhau.
- D. Tương đương.

Đáp án:

Trường hợp cung lớn hơn cầu thì giá cả thị trường thường thấp hơn giá trị hàng hóa trong sản xuất.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 8: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, khi cung nhỏ hơn cầu thì giá cả thị trường so với giá trị hàng hóa trong sản xuất sẽ

- A. Thấp hơn.
- B. Cao hơn.
- C. Bằng nhau.
- D. Tương đương.

Đáp án:

Trường hợp cung nhỏ hơn cầu thì giá cả thị trường thường cao hơn giá trị hàng hóa trong sản xuất.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 9: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, giá cả và nhu cầu của người tiêu dùng

- A. Tỷ lệ thuận.
- B. Tỷ lệ nghịch.
- C. Bằng nhau.
- D. Tương đương nhau.

Đáp án:

Khi giá cả giảm xuống, thì nói chung cầu có xu hướng tăng lên và ngược lại. Vì vậy, giá cả và nhu cầu của người tiêu dùng tỷ lệ nghịch với nhau.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 10: Trong sản xuất và lưu thông hàng hóa, giá cả và cung của nhà sản xuất

- A. Tỷ lệ thuận.
- B. Tỷ lệ nghịch.
- C. Bằng nhau.
- D. Tương đương nhau.

Đáp án:

Khi giá cả tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất, lượng cung tăng lên và ngược lại. Vì vậy, giá cả và cung tỷ lệ thuận với nhau.

Đáp án cần chọn là: B

Câu 11: Trên thị trường giả định không mua bán chịu mà mua bán trả tiền ngay. Trong điều kiện đó, khái niệm cầu được hiểu là tên gọi tắt của

- A. Nhu cầu có khả năng thanh toán.

- B. Nhu cầu của người tiêu dùng.
- C. Mong muốn chính đáng của người dân.
- D. Nhu cầu đúng đắn.

Đáp án:

Trên thị trường giả định không mua bán chịu mà mua bán trả tiền ngay. Trong điều kiện đó, khái niệm cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu có khả năng thanh toán, tức là nhu cầu mà người tiêu dùng cần mua, được bảo đảm bằng số lượng tiền mà họ sẵn có tương ứng.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 12: Theo em, trường hợp nào sau đây có lợi cho người mua hàng trên thị trường?

- A. Cung lớn hơn cầu.
- B. Cung bằng cầu.
- C. Cung nhỏ hơn cầu.
- D. Cung gấp đôi cầu.

Đáp án:

Khi cung lớn hơn cầu, giá cả thị trường nhỏ hơn giá trị sản xuất, vì vậy người mua hàng sẽ được lợi hơn.

Đáp án cần chọn là: A

Câu 13: Theo em, trường hợp nào sau đây có lợi cho người bán hàng trên thị trường?

- A. Cầu nhỏ hơn cung.
- B. Cung bằng cầu.
- C. Cầu lớn hơn cung.
- D. Cung gấp đôi cầu.

Đáp án:

Khi cung nhỏ hơn cầu, giá cả thị trường sẽ lớn hơn giá trị sản xuất, người sản xuất và người bán hàng sẽ thu được nhiều lợi nhuận hơn.

Đáp án cần chọn là: C

Câu 14: Chị H đang kinh doanh mặt hàng X nhưng trên thị trường cung mặt hàng này đang lớn hơn cầu. Theo em, chị H nên làm gì?

- A. Ngừng kinh doanh, chuyển sang làm công việc khác.
- B. Tích cực quảng cáo, tăng cường khuyến mãi để thu hút khách hàng.
- C. Nhanh chóng mở thêm chi nhánh, mở rộng kinh doanh.
- D. Chuyển đổi kinh doanh sang mặt hàng mới có cung nhỏ hơn cầu.

Đáp án:

Khi thị trường cung lớn hơn cầu, người kinh doanh nên điều chỉnh để lựa chọn mặt hàng kinh doanh mới có cung nhỏ hơn cầu để có thể bán được hàng và thu lợi nhuận.

Đáp án cần chọn là: D

Câu 15: Trong dịp Tết Nguyên Đán, nhiều doanh nghiệp nắm bắt cơ hội, tích trữ hàng đến gần tết mới bán, đẩy giá một số mặt hàng lên cao. Theo em, lúc đó, nhà nước thể hiện vai trò điều tiết khi

- A. Tổ chức các điểm bán hàng bình ổn giá, điều tiết cung – cầu.
- B. Khuyến khích các doanh nghiệp tích trữ hàng hóa.
- C. Cấp phép cho các doanh nghiệp tích trữ hàng hóa.
- D. Không quan tâm đến vấn đề đầu cơ tích trữ.

Đáp án:

Nhà nước thực hiện điều tiết cung – cầu trên thị trường thông qua pháp luật, chính sách nhằm cân đối lại cung – cầu ổn định giá cả và đời sống của nhân dân.

Đáp án cần chọn là: A

2. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 1

TRƯỜNG THPT VÕ VĂN KIỆT

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 11

Câu 1: Sản xuất của cải vật chất là quá trình

- A. Tạo ra của cải vật chất.
- B. Sản xuất xã hội.
- C. Con người tác động vào tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.
- D. Tạo ra cơm ăn, áo mặc, tạo ra tư liệu sản xuất.

Câu 2: Một trong những vai trò của sản xuất của cải vật chất là

- A. Cơ sở tồn tại của xã hội.
- B. Tạo ra các giá trị vật chất và tinh thần.
- C. Giúp con người có việc làm.
- D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Câu 3: sản xuất của cải vật chất có vai trò quyết định

- A. Mọi hoạt động của xã hội.
- B. Số lượng hàng hóa trong xã hội
- C. Thu nhập của người lao động.
- D. Việc làm của người lao động.

Câu 4: Trong các yếu tố cấu thành tư liệu lao động, yếu tố nào dưới đây quan trọng nhất?

- A. Kết cấu hạ tầng của sản xuất.
- B. Công cụ lao động.
- C. Hệ thống bình chứa của sản xuất.
- D. Cơ sở vật chất.

Câu 5: Yếu tố nào dưới đây giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất?

- A. Đối tượng lao động.
- B. Sức lao động.
- C. Tư liệu lao động.
- D. Máy móc hiện đại.

Câu 6: Quá trình sản xuất gồm các yếu tố nào dưới đây?

- A. Sức lao động, đối tượng lao động và lao động.
- B. Con người, lao động và máy móc.
- C. Lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.
- D. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.

Câu 7: Yếu tố nào dưới đây là một trong những đối tượng lao động trong ngành Công nghiệp khai thác?

- A. Máy cày. B. Than.
- C. Sân bay. D. Nhà xưởng.

Câu 8: “Con trâu đi trước, cái cày theo sau” là nói đến yếu tố nào dưới đây trong quá trình lao động?

- A. Đối tượng lao động.
- B. Tư liệu lao động.
- C. Sức lao động.
- D. Nguyên liệu lao động.

Câu 9: Yếu tố nào dưới đây là tư liệu lao động trong ngành May mặc?

- A. Máy may. B. Vải.
- C. Thợ may. D. Chỉ.

Câu 10: Yếu tố nào dưới đây là tư liệu lao động trong ngành Xây dựng?

- A. Xi măng. B. Thợ xây.
- C. Cái bay. D. Giàn giáo.

Câu 11: Một sản phẩm trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện?

- A. Hai điều kiện
- B. Bốn điều kiện
- C. Ba điều kiện
- D. Một điều kiện

Câu 12: Hàng hóa có hai thuộc tính là

- A. Giá trị và giá cả
- B. Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng
- C. Giá cả và giá trị sử dụng
- D. Giá trị và giá trị sử dụng

Câu 13: Giá trị của hàng hóa là

- A. Lao động của từng người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- B. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa
- C. Chi phí làm ra hàng hóa
- D. Sức lao động của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

Câu 14: Giá trị của hàng hóa được thực hiện khi

- A. Người sản xuất cung ứng hàng hóa phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng
- B. Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán
- C. Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường bán và bán được
- D. Người sản xuất cung ứng được hàng hóa có nhiều giá trị sử dụng

Câu 15: Vật phẩm nào dưới đây không phải là hàng hóa?

- A. Điện B. Nước máy
- C. Không khí D. Rau trồng để bán

Câu 16: Bác B nuôi được 20 con gà. Bác để ăn 3 con, cho con gái 2 con. Số còn lại bác mang bán. Hỏi số gà của bác B có bao nhiêu con gà là hàng hóa?

- A. 5 con B. 20 con
- C. 15 con D. 3 con

Câu 17: Giá trị sử dụng của hàng hóa là

- A. Công dụng của sản phẩm thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người
- B. Sản phẩm thỏa mãn như cầu nào đó của con người
- C. Cơ sở của giá trị trao đổi
- D. Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa

Câu 18: Giá trị trao đổi là mối quan hệ về số lượng trao đổi giữa các hàng hóa có

- A. Giá trị khác nhau

- B. Giá cả khác nhau
- C. Giá trị sử dụng khác nhau
- D. Số lượng khác nhau

Câu 19: Hàng hóa có thể trao đổi được với nhau vì

- A. Chúng đều có giá trị và giá trị sử dụng
- B. Chúng đều có giá trị sử dụng khác nhau
- C. Chúng có giá trị bằng nhau
- D. Chúng đều là sản phẩm của lao động

Câu 20: Trong nền sản xuất hàng hóa, giá cả hàng hóa là

- A. Quan hệ giữa người bán và người mua
- B. Biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa
- C. Giá trị của hàng hóa
- D. Tổng chi phí sản xuất và lợi nhuận

Câu 21: Sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào dưới đây?

- A. Thời gian lao động cá biệt để sản xuất ra hàng hóa
- B. Thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- C. Thời gian cần thiết để sản xuất ra hàng hóa
- D. Chi phí để sản xuất ra hàng hóa

Câu 22: Quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho

- A. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết
- B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết
- C. Lao động cá biệt nhỏ hơn lao động xã hội cần thiết
- D. Lao động cá biệt ít hơn lao động xã hội cần thiết

Câu 23: Người sản xuất vi phạm quy luật giá trị trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Thời gian lao động cá biệt bằng thời gian lao động xã hội cần thiết
- B. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết
- C. Thời gian lao động cá biệt nhỏ hơn thời gian lao động xã hội cần thiết
- D. Thời gian lao động cá biệt lớn hơn thời gian lao động xã hội cần thiết

Câu 24: Quy luật giá trị tồn tại ở nền sản xuất nào dưới đây?

- A. Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa
- B. Nền sản xuất xã hội chủ nghĩa
- C. Nền sản xuất hàng hóa
- D. Mọi nền sản xuất

Câu 25: Quy luật giá trị yêu cầu tổng giá trị hàng hóa sau khi bán phải bằng

- A. Tổng chi phí để sản xuất ra hàng hóa
- B. Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất
- C. Tổng số lượng hàng hóa được tạo ra trong quá trình sản xuất
- D. Tổng thời gian để sản xuất ra hàng hóa

Câu 26: Giá cả hàng hóa bao giờ cũng vận động xoay quanh trục

- A. Giá trị trao đổi
- B. Giá trị hàng hóa
- C. Giá trị sử dụng của hàng hóa
- D. Thời gian lao động cá biệt

Câu 27: Yếu tố nào dưới đây làm cho giá cả hàng hóa có thể cao hơn hoặc thấp hơn giá trị của hàng hóa?

- A. Cung-cầu, cạnh tranh
- B. Nhu cầu của người tiêu dùng
- C. Khả năng của người sản xuất
- D. Số lượng hàng hóa trên thị trường

Câu 28: Quy luật giá trị điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa thông qua yếu tố nào dưới đây?

- A. Giá cả thị trường
- B. Số lượng hàng hóa trên thị trường
- C. Nhu cầu của người tiêu dùng
- D. Nhu cầu của người sản xuất

Câu 29: Quy luật giá trị có mấy tác động?

- A. Hai B. Ba C. Bốn D. Năm

Câu 30: Một trong những mặt tích cực của quy luật giá trị là

- A. Người sản xuất có thể sản xuất nhiều loại hàng hóa
- B. Người tiêu dùng mua được hàng hóa rẻ
- C. Người sản xuất ngày càng giàu có
- D. Kích thích lực lượng sản xuất, năng xuất lao động tăng

Câu 31: Sự ganh đua, đấu tranh giữa các chủ thể kinh tế trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa để thu được nhiều lợi nhuận là nội dung của

- A. Cạnh tranh B. Thi đua C. Sản xuất D. Kinh doanh

Câu 32: Phương án nào dưới đây lí giải nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh?

- A. Do nền kinh tế thị trường phát triển

- B. Do tồn tại nhiều chủ sở hữu với tư cách là những đơn vị kinh tế độc lập, tự do sản xuất kinh doanh
- C. Do Nhà nước khuyến khích các doanh nghiệp phát triển
- D. Do quan hệ cung-cầu tác động đến người sản xuất kinh doanh

Câu 33: Tính chất của cạnh tranh là gì?

- A. Giành giật khách hàng B. Giành quyền lợi về mình
- C. Thu được nhiều lợi nhuận D. Ganh đua, đấu tranh

Câu 34: Nguyên nhân dẫn đến cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất phát từ

- A. Sự tồn tại nhiều chủ sở hữu B. Sự gia tăng sản xuất hàng hóa
- C. Nguồn lao động dồi dào trong xã hội D. Sự thay đổi cung-cầu

Câu 35: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là

- A. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác
- B. Giành uy tín tuyệt đối cho doanh nghiệp mình
- C. Gây ảnh hưởng trong xã hội
- D. Phục vụ lợi ích xã hội

Câu 36: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh là

- A. Giành hàng hóa tối về mình
- B. Giành hợp đồng tiêu thụ hàng hóa
- C. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác
- D. Giành thị trường tiêu thụ rộng lớn

Câu 37: Câu tục ngữ “Thương trường như chiến trường” phản ánh quy luật kinh tế nào dưới đây?

- A. Quy luật cung cầu B. Quy luật cạnh tranh
- C. Quy luật lưu thông tiền tệ D. Quy luật giá trị

Câu 38: Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt tích cực của cạnh tranh?

- A. Bảo vệ môi trường tự nhiên B. Đa dạng hóa các quan hệ kinh tế
- C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế D. Nâng cao chất lượng cuộc sống

Câu 39: Hành vi gièm pha doanh nghiệp khác bằng cách trực tiếp đưa ra thông tin không trung thực thuộc loại cạnh tranh nào dưới đây?

- A. Cạnh tranh tự do B. Cạnh tranh lành mạnh
- C. Cạnh tranh không lành mạnh D. Cạnh tranh không trung thực

Câu 40: Mọi sự cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các mặt tích cực là cạnh tranh

A. Lành mạnh B. Tự do C. Hợp lí D. Công bằng

Đáp án

1-C	2-A	3-A	4-B	5-B	6-D
7-B	8-B	9-A	10-A	11-C	12-D
13-B	14-C	15-C	16-C	17-A	18-C
19-C	20-B	21-B	22-A	23-B	24-C
25-B	26-B	27-A	28-A	29-B	30-D
31-A	32-B	33-D	34-A	35-A	36-C
37-B	38-C	39-C	40-A		

3. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 2

TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 11

Câu 1: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản nào?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị. B. Cung – cầu, giá cả, tiền tệ.
C. Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị. D. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.

Câu 2: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Kích thích sức sản xuất.
B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.
C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.
D. Làm cho môi trường bị suy thoái.

Câu 3: Hành động nào là thể hiện sự cạnh tranh lành mạnh?

- A. Giảm giá bán sản phẩm.
B. Chèo kéo, tranh giành khách hàng.
C. Bêu xấu các sản phẩm của nhà sản xuất khác.

D. Tẩy chay hàng hóa của nhà sản xuất khác.

Câu 4: Hành vi nào sau đây là sự biểu hiện của sự cạnh tranh không lành mạnh?

A. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất.

B. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng.

C. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận.

D. Hạ giá thành sản phẩm.

Câu 5: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa?

A. Quy luật giá trị. B. Quy luật lưu thông hàng hóa.

C. Quy luật cạnh tranh. D. Quy luật cung – cầu.

Câu 6: Hoạt động có mục đích, có ý thức của con người làm biến đổi những yếu tố của tự nhiên cho phù hợp với nhu cầu của con người được gọi là gì?

A. Sản xuất của cải vật chất. B. Hoạt động.

C. Tác động. D. Lao động.

Câu 7: Một trong những chức năng của thị trường là gì?

A. Kiểm tra hàng hóa. B. Trao đổi hàng hóa. C. Thực hiện. D. Đánh giá

Câu 8: Tư liệu lao động làm nhiệm vụ

A. chứa các nguyên, nhiên liệu trong quá trình sản xuất.

B. đáp ứng được yêu cầu trong quá trình sản xuất.

C. truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động.

D. biến đổi các yếu tố tự nhiên thành sản phẩm tiêu dùng.

Câu 9: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?

A. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất.

B. Bán được nhiều hàng hóa nhất.

C. Trở thành người chi phối thị trường.

D. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác.

Câu 10: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

B. Làm cho môi trường bị suy thoái.

C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước.

D. Kích thích sức sản xuất.

Câu 11: Mục đích mà người tiêu dùng hướng đến là gì?

A. Lợi nhuận. B. Giá cả.

C. Công dụng của hàng hóa. D. Số lượng hàng hóa.

Câu 12: Năm bắt thông tin trên thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với người mua hàng?

- A. Giúp người mua điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất.
- B. Không thiết thòi khi bán hàng.
- C. Thiếu tự tin khi tham gia mua bán trên thị trường.
- D. Nhắc nhở người khác không thực hiện sai giá trị hàng hoá.

Câu 13: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi

- A. Giá trị sử dụng khác nhau của hàng hóa.
- B. Những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa.
- C. Thời gian lao động xã hội cần thiết.
- D. Giá trị của hàng hóa.

Câu 14: Một hàng hóa sản xuất ra có được thị trường thừa nhận hay không thể hiện thông qua số lượng hàng hóa

- A. được bày bán nhiều hay ít. B. nhiều hay ít.
- C. không bán được. D. thay đổi mẫu mã.

Câu 15: Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất?

- A. Trong lĩnh vực nghệ thuật. B. Trong lĩnh vực chính trị.
- C. Trong lĩnh vực kinh tế. D. Trong lĩnh vực xã hội.

Câu 16: Việc là chuyển từ sản xuất mũ vải sang sản xuất vành mũ bảo hiểm chịu tác động nào của quy luật giá trị?

- A. Điều tiết trong lưu thông. B. Điều tiết trong sản xuất.
- C. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị. D. Tự phát từ quy luật giá trị.

Câu 17: Để có được lợi nhuận cao và giành được ưu thế cạnh tranh người sản xuất phải đảm bảo điều kiện nào sau đây?

- A. Phải giảm giá trị xã hội của hàng hóa. B. Phải tăng giá trị cá biệt của hàng hóa.
- C. Giữ nguyên giá trị cá biệt của hàng hóa. D. Phải giảm giá trị cá biệt của hàng hóa.

Câu 18: Hàng hóa được đem ra trao đổi trên thị trường căn cứ vào

- A. thời gian lao động xã hội cần thiết.
- B. thời gian lao động cá biệt.
- C. thời gian lao động hiện tại.
- D. thời gian lao động quá khứ của người lao động.

Câu 19: Xét tổng hàng hóa trên phạm vi toàn xã hội thì quy luật giá trị yêu cầu:

- A. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải = Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX.
- B. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải > Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX.

C. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải < Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX.

D. Tổng giá trị hàng hóa sau khi bán suy ra Tổng giá cả hàng hóa được tạo ra trong SX.

Câu 20: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

A. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa.

B. Tăng năng suất lao động.

C. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.

D. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển.

Câu 21: Để giúp cho các chủ thể kinh tế kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh đúng kỷ cương. Nhà nước cần phải làm gì?

A. Để cho các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh.

B. Tạo hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi, hiệu quả.

C. Quản lý các hoạt động của các chủ thể kinh tế.

D. Bù lỗ cho các doanh nghiệp bị thua lỗ.

Câu 22: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

A. Giá trị hàng hóa. B. Thời gian lao động cá nhân.

C. Thời gian lao động xã hội cần thiết. D. Thời gian lao động cá biệt.

Câu 23: Quá trình thực hiện giá trị sử dụng của hàng hóa được thực hiện trên lĩnh vực nào?

A. Lưu thông. B. Sản xuất. C. Phân phối- D. Tiêu dùng.

Câu 24: Cho bảng số liệu sau:

Nhóm sản xuất (triệu m)	Số lượng hàng hóa	Thời gian lao động cá biệt để sản xuất 1m vải (giờ)
A	10	1
B	5	2
C	85	3

Hãy tính thời gian lao động xã hội cần thiết của 1 mét vải làm cơ sở xác định giá cả 1 mét vải bán ra trên thị trường?

A. 2,5 giờ B. 2,75 giờ C. 2 giờ D. 3 giờ

Câu 25: Yếu tố nào sau đây không thuộc tác động của quy luật giá trị?

A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên.

- B. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa.
- C. Phân hóa giàu - nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa.
- D. Tạo ra nhiều cửa cải vật chất cho xã hội.

Câu 26: Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường và bán được, khi đó chi phí để sản xuất ra hàng hóa đó được xã hội chấp nhận, giá trị của hàng hóa được thực hiện, lúc này thị trường đã thực hiện chức năng

- A. thực hiện. B. điều tiết. C. thông tin. D. trao đổi.

Câu 27: Sản xuất của cải vật chất giữ vai trò như thế nào đến mọi hoạt động của xã hội?

- A. Cần thiết. B. Trung tâm. C. Quyết định. D. Quan trọng.

Câu 28: Trong các yếu tố của quá trình sản xuất, yếu tố nào giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất?

- A. Công cụ lao động. B. Sức lao động.
- C. Tư liệu sản xuất. D. Đối tượng lao động.

Câu 29: Để may một cái áo A may hết 5 giờ. Thời gian lao động xã hội cần thiết để may cái áo là 4 giờ. Vậy A bán chiếc áo giá cả tương ứng với mấy giờ?

- A. 3 giờ. B. 4 giờ. C. 5 giờ. D. 6 giờ.

Câu 30: Bác A trồng rau ở khu vực ngoại thành Hà Nội. Bác mang rau vào khu vực nội thành để bán vì giá cả ở nội thành cao hơn. Vậy hành vi của bác A chịu tác động nào của quy luật giá trị?

- A. Điều tiết trong sản xuất. B. Tỷ suất lợi nhuận cao của quy luật giá trị.
- C. Tự phát từ quy luật giá trị. D. Điều tiết trong lưu thông.

Câu 31: Người sản xuất mang hàng hóa ra thị trường và bán được, khi đó chi phí để sản xuất ra hàng hóa đó được xã hội chấp nhận, giá trị của hàng hóa được thực hiện, lúc này thị trường đã thực hiện chức năng gì ?

- A. Chức năng điều tiết sản xuất và tiêu dùng. B. Chức năng thông tin.
- C. Chức năng thực hiện. D. Chức năng trao đổi.

Câu 32: Giá cả của hàng hóa trên thị trường biểu hiện như thế nào?

- A. Luôn ăn khớp với giá trị. B. Luôn cao hơn giá trị.
- C. Luôn thấp hơn giá trị. D. Luôn xoay quanh trực giá trị.

Câu 33: Tiền tệ xuất hiện là kết quả phát triển của

- A. quá trình trao đổi hàng hóa.
- B. quá trình lao động và trao đổi hàng hóa.
- C. sự phát triển mạnh mẽ của sản xuất và thị trường.
- D. quá trình sản xuất, trao đổi hàng hóa và các hình thái giá trị.

Câu 34: Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào trong quá trình sản xuất được gọi là gì?

- A. Sức lao động. B. Lao động.
C. Sản xuất của cải vật chất. D. Hoạt động.

Câu 35: Biểu hiện của quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa là gì?

- A. Trao đổi theo sự biến động của thị trường. B. Trao đổi theo theo nguyên tắc ngang giá.
C. Trao đổi theo quan hệ cung – cầu. D. Trao đổi theo nhu cầu.

Câu 36: Từ khi nào quy luật giá trị được vận dụng đúng vào nền kinh tế nước ta ?

- A. Từ khi đất nước thống nhất năm 1976. B. Từ khi đổi mới nền kinh tế năm 1986.
C. Từ khi đất nước giành độc lập năm 1945. D. Từ đại hội Đảng lần thứ VII năm 1991.

Câu 37: Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào quyết định?

- A. Người sản xuất. B. Nhà nước. C. Thị trường. D. Người làm dịch vụ.

Câu 38: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

- A. Thời gian lao động xã hội cần thiết. B. Thời gian lao động cá biệt.
C. Giá trị của hàng hóa. D. Nhu cầu của mọi người.

Câu 39: Giá cả hàng hóa là giá trị hàng hóa được biểu hiện bằng

- A. số lượng hàng hóa. B. một lượng tiền.
C. chất lượng hàng hóa. D. giá trị lưu thông.

Câu 40: Nhà nước có trách nhiệm điều tiết cạnh tranh bằng cách thông qua các hình thức

- A. Nâng cao mức thuế thu nhập.
B. Giáo dục, pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội thích hợp.
C. Giáo dục tư tưởng cho các chủ thể kinh tế.
D. Phổ biến pháp luật cho mọi người nắm được.

Đáp án

1-D	2-D	3-A	4-C	5-A	6-D
7-C	8-C	9-B	10-D	11-C	12-A
13-B	14-A	15-C	16-B	17-D	18-A
19-A	20-C	21-B	22-A	23-D	24-B
25-D	26-A	27-C	28-B	29-B	30-D

31-C	32-D	33-D	34-A	35-B	36-B
37-C	38-A	39-B	40-B		

4. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 3

TRƯỜNG THPT NGUYỄN TRUNG TRỰC

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 11

Câu 1: Toàn bộ năng lực thể chất và tinh thần của con người được vận dụng vào quá trình sản xuất là

- A. Lao động. B. Người lao động
C. Sức lao động D. Làm việc

Câu 2: Hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên đối tượng lao động là

- A. Người lao động
B. Tư liệu lao động
C. Tư liệu sản xuất
D. Nguyên liệu

Câu 3: Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào được gọi là

- A. Đối tượng lao động
B. Tư liệu lao động
C. Tài nguyên thiên nhiên
D. Nguyên liệu

Câu 4: yếu tố nào dưới đây là tư liệu lao động?

- A. Không khí
B. Sợi để dệt vải
C. Máy cày
D. Vật liệu xây dựng

Câu 5: Căn cứ vào cơ sở nào dưới đây để phân biệt một vài vật là đối tượng lao động hay tư liệu lao động?

- A. Mục đích sử dụng gắn với chức năng
B. Khả năng sử dụng
C. Nguồn gốc của vật đó

D. Giá trị của vật đó

Câu 6: Phát triển kinh tế là

A. Sự tăng lên về số lượng và chất lượng sản phẩm

B. Sự tăng trưởng về kinh tế gắn với nâng cao chất lượng cuộc sống

C. Sự tăng trưởng kinh tế bền vững

D. Sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội

Câu 7: Tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội là

A. Phát triển kinh tế

B. Thúc đẩy kinh tế

C. Thay đổi kinh tế

D. Ổn định kinh tế

Câu 8: Khẳng định nào dưới đây không đúng khi nói đến ý nghĩa của phát triển kinh tế đối với cá nhân?

A. Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm

B. Phát triển kinh tế khắc phục sự tụt hậu về kinh tế

C. Phát triển kinh tế đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần

D. Phát triển kinh tế giúp cá nhân có điều kiện chăm sóc sức khỏe

Câu 9: Đối với gia đình, phát triển kinh tế là tiền đề để

A. Thực hiện tốt chức năng kinh tế

B. Loại bỏ tệ nạn xã hội

C. Đảm bảo ổn định về kinh tế

D. Xóa bỏ thất nghiệp

Câu 10: Khẳng định nào dưới đây không đúng khi nói đến ý nghĩa của phát triển kinh tế đối ngoại với xã hội?

A. Phát triển kinh tế là tiền đề phát triển văn hóa, giáo dục

B. Phát triển kinh tế tạo điều kiện củng cố an ninh, quốc phòng

C. Phát triển kinh tế tạo điều kiện giải quyết việc làm, giảm tệ nạn xã hội

D. Phát triển kinh tế tạo điều kiện cho mỗi người có việc làm và thu nhập ổn định

Câu 11: Giá trị của hàng hóa được biểu hiện thông qua

A. Giá trị trao đổi

B. Giá trị sử dụng

C. Chi phí sản xuất

D. Hao phí lao động

Câu 12: Tiền tệ xuất hiện là kết quả của quá trình

- A. Lao động sản xuất hàng hóa vì cuộc sống của con người
- B. Phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của các hình thái giá trị
- C. Phát triển nhanh chóng nền sản xuất hàng hóa phục vụ nhu cầu của con người
- D. Trao đổi hàng hóa và các hình thái giá trị

Câu 13: Tiền thực hiện chức năng thước đo giá trị khi

- A. Tiền dùng để đo lường và biểu hiện giá trị của hàng hóa
- B. Tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa
- C. Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch
- D. Tiền dùng để cất trữ

Câu 14: Chức năng nào dưới đây của tiền tệ đòi hỏi tiền phải là tiền bằng vàng?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông
- C. Phương tiện cất trữ
- D. Phương tiện thanh toán

Câu 15: Tiền tệ có mấy chức năng?

- A. Hai chức năng
- B. Ba chức năng
- C. Bốn chức năng
- D. Năm chức năng

Câu 16: Tiền được dùng để chi trả sau khi giao dịch, mua bán. Khi đó tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông
- C. Phương tiện cất trữ
- D. Phương tiện thanh toán

Câu 17: An nhận được học bổng với số tiền 5 triệu đồng. An muốn thực hiện chức năng phương tiện cất trữ của tiền tệ thì An cần làm theo cách nào dưới đây?

- A. An đưa số tiền đó cho mẹ giữ hộ
- B. An mua vàng cất đi
- C. An gửi số tiền đó vào ngân hàng
- D. An bỏ số tiền đó vào lợn đất

Câu 18: Nếu tiền rút khỏi lưu thông và đi vào cất trữ để khi cần thì đem ra mua hàng là tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông

- C. Phương tiện cất trữ
- D. Phương tiện thanh toán

Câu 19: Bà A bán thóc được 2 triệu đồng. Bà dùng tiền đó mua một chiếc xe đạp. Trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng gì dưới đây?

- A. Thước đo giá trị
- B. Phương tiện lưu thông
- C. Phương tiện cất trữ
- D. Phương tiện thanh toán

Câu 20: Tiền làm chức năng phương tiện cất trữ trong trường hợp nào dưới đây?

- A. Gửi tiền vào ngân hàng
- B. Mua vàng cất vào két
- C. Mua xe ô tô
- D. Mua đồ là Mĩ

Câu 21: Khẳng định nào dưới đây đúng khi nói mặt hạn chế của quy luật giá trị?

- A. Phân biệt giàu-nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa
- B. Làm cho giá trị hàng hóa giảm xuống
- C. Làm cho chi phí sản xuất hàng hóa tăng lên
- D. Làm cho hàng hóa phân phối không đều giữa các vùng

Câu 22: Giá cả hàng hóa trên thị trường không đổi, năng suất lao động tăng làm cho

- A. Lượng giá trị của hàng hóa tăng và lợi nhuận tăng
- B. Lượng giá trị của một hàng hóa giảm và lợi nhuận giảm
- C. Lượng giá trị của một hàng hóa tăng và lợi nhuận giảm
- D. Lượng giá trị của một hàng hóa giảm và lợi nhuận tăng

Câu 23: Điều tiết sản xuất là

- A. Phân phối lại chi phí sản xuất giữa ngành này với ngành khác
- B. Sự phân phối lại các yếu tố của quá trình sản xuất từ ngành này sang ngành khác
- C. Điều chỉnh lại số lượng hàng hóa giữa ngành này với ngành khác
- D. Điều chỉnh lại số lượng và chất lượng hàng hóa giữa các ngành

Câu 24: Nhà nước đã vận dụng quy luật giá trị như thế nào vào nước ta?

- A. Khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển
- B. Xóa bỏ mô hình kinh tế cũ
- C. Xây dựng và phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa
- D. Để mọi cá nhân tự do sản xuất bất cứ mặt hàng nào

Câu 25: Anh A đang sản xuất mũ vải nhưng giá thấp, bán chậm. Anh A đã chuyển sang sản xuất mũ bảo hiểm vì mặt hàng này giá cao, bán nhanh. Anh A đã vận dụng tác động nào dưới đây của quy luật giá trị?

- A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển
- C. Phân hóa giữa những người sản xuất hàng hóa
- D. Tạo năng suất lao động cao hơn

Câu 26: Để sản xuất ra một cái áo, thời gian lao động của anh A là 1 giờ, anh B là 2 giờ, anh C là 3 giờ. Trên thị trường, xã hội thừa nhận mua bán với thời gian là 2 giờ. Trong 3 người trên, ai thực hiện tốt quy luật giá trị?

- A. Anh A B. Anh B
- C. Anh C D. Anh A và anh B

Câu 27: Trên thị trường, các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định

- A. Chất lượng và số lượng hàng hóa
- B. Giá trị và giá trị sử dụng của hàng hóa
- C. Giá cả và giá trị sử dụng của hàng hóa
- D. Giá cả và số lượng hàng hóa

Câu 28: Thị trường gồm những nhân tố cơ bản nào dưới đây?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán
- B. Người mua, tiền tệ, giá cả, hàng hóa
- C. Giá cả, hàng hóa, người mua, người bán
- D. Tiền tệ, người mua, người bán, giá cả

Câu 29: Thông tin của thị trường quan trọng như thế nào đối với người bán?

- A. Giúp người bán biết được chi phí sản xuất của hàng hóa
- B. Giúp người bán đưa ra quyết định kịp thời nhằm thu nhiều lợi nhuận
- C. Giúp người bán điều chỉnh số lượng hàng hóa nhằm thu nhiều lợi nhuận
- D. Giúp người bán điều chỉnh số lượng và chất lượng hàng hóa để thu nhiều lợi nhuận

Câu 30: Thông tin của thị trường giúp người mua

- A. Biết được giá cả hàng hóa trên thị trường
- B. Mua được hàng hóa mình cần
- C. Biết được số lượng và chất lượng hàng hóa
- D. Điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

Câu 31: Sự cạnh tranh vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức là cạnh tranh

- A. Không lành mạnh B. Không bình đẳng

- C. Tự do D. Không đẹp

Câu 32: Nội dung nào dưới đây thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Khai thác tối đa mọi quyền lực của đất nước
B. Một số người sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương
C. Triệt tiêu các doanh nghiệp cùng ngành
D. Thu lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác

Câu 33: Những người sản xuất kinh doanh đua nhau cải tiến máy móc hiện đại và nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động là thể hiện mặt tích cực nào dưới đây của cạnh tranh?

- A. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển, năng suất lao động tăng lên
B. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước
C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế
D. Góp phần ổn định thị trường hàng hóa

Câu 34: Việc sản xuất và kinh doanh hàng giả là mặt hạn chế nào dưới đây của cạnh tranh?

- A. Làm cho môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng
B. Sử dụng những thủ đoạn phi pháp, bắt lương
C. Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường
D. Phân hóa giàu – nghèo giữa những người sản xuất

Câu 35: Khi phát hiện một cửa hàng chuyên tiêu thụ hàng giả, em sẽ làm theo phương án nào dưới đây?

- A. Vẫn mua hàng hóa ở đó vì giá rẻ hơn nơi khác
B. Không đến cửa hàng đó mua hàng nữa
C. Báo cho cơ quan chức năng biết
D. Tự tìm hiểu về nguồn gốc số hàng giả đó

Câu 36: Ý kiến nào dưới đây không đúng khi bàn về cạnh tranh?

- A. Cạnh tranh là quy luật kinh tế khách quan
B. Cạnh tranh có hai mặt: mặt tích cực và mặt hạn chế
C. Mặt tích cực của cạnh tranh là cơ bản
D. Mặt hạn chế của cạnh tranh là cơ bản

Câu 37: Loại cạnh tranh nào dưới đây là động lực của nền kinh tế?

- A. Cạnh tranh trong nội bộ ngành
B. Cạnh tranh lành mạnh
C. Cạnh tranh giữa các ngành

D. Cạnh tranh giữa người bán và người mua

Câu 38: Để phân biệt cạnh tranh lành mạnh và cạnh tranh không lành mạnh, cần dựa vào những tiêu chí nào dưới đây?

- A. Tính đạo đức, tính pháp luật và hệ quả
- B. Tính truyền thống, tính nhân văn và hệ quả
- C. Tính hiện đại, tính pháp luật và tính đạo đức
- D. Tính đạo đức và tính nhân văn

Câu 39: Phương án nào dưới đây thể hiện mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Làm cho cung lớn hơn cầu
- B. Đầu cơ tích lũy gây rối loạn thị trường
- C. Tiền giấy khan hiếm trên thị trường
- D. Gây ra hiện tượng lạm phát

Câu 40: Cạnh tranh không lành mạnh có dấu hiệu nào dưới đây?

- A. Vi phạm truyền thống văn hóa bà quy định của Nhà nước
- B. Vi phạm văn hóa và vi phạm pháp luật
- C. Vi phạm pháp luật và các chuẩn mực đạo đức
- D. Vi phạm truyền thống và văn hóa dân tộc

Đáp án

1-C	2-B	3-A	4-C	5-A	6-D
7-A	8-B	9-A	10-D	11-A	12-B
13-A	14-C	15-D	16-D	17-B	18-C
19-B	20-B	21-A	22-D	23-B	24-C
25-A	26-D	27-D	28-A	29-B	30-D
31-A	32-B	33-A	34-B	35-C	36-D
37-B	38-A	39-B	40-C		

5. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 4

TRƯỜNG THPT HÀN THUYỀN

- B. sức lao động, công cụ lao động và đối tượng lao động.
 C. đối tượng sản xuất, tư liệu sản xuất và công cụ sản xuất.
 D. tư liệu lao động, đối tượng lao động và công cụ lao động.

Câu 8. Khi tiền giấy đưa vào lưu thông vượt quá số lượng cần thiết sẽ dẫn đến hiện tượng nào dưới đây?

- A. Giảm phát. C. Lạm phát.
 B. Thiếu phát. D. Giá trị của tiền tăng lên.

Câu 9. Hoạt động trung tâm, cơ bản nhất của xã hội loài người

- A. Hoạt động sản xuất của cải vật chất. C. Hoạt động chính trị- xã hội.
 B. Hoạt động thực nghiệm khoa học. D. Hoạt động thương mại.

Câu 10. Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau nhằm xác định

- A. sức mua của đồng tiền. C. sự cạnh tranh trong trao đổi, mua bán.
B. giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ. D. sự cung ứng hàng hóa trên thị trường.

Câu 11. Cơ sở sản xuất tư nhân anh N làm giày, dép để bán lấy tiền rồi dùng tiền đó mua lại nguyên liệu để tái sản xuất nhằm mở rộng sản xuất, tăng thu nhập kinh tế gia đình. Theo em, trong trường hợp này tiền thực hiện chức năng nào trong các chức năng sau?

- A. Phương tiện thanh toán. C. Phương tiện lưu thông.
 B. Phương tiện cất trữ. D. Thước đo giá trị.

Câu 12. Khẳng định nào dưới đây thể hiện vai trò của sản xuất của cải vật chất?

- A. Là cơ sở tồn tại, phát triển và quyết định mọi hoạt động của xã hội.
 B. Làm cho kinh tế gia đình ngày càng phát triển.
 C. Là cơ sở nâng cao chất lượng cuộc sống của xã hội.
 D. Tạo dựng hạnh phúc gia đình nhờ có nhiều của cải vật chất.

Câu 13. Trong vụ hè thu vừa qua, mẹ M bán lúa thu được số tiền 20 triệu đồng, sau khi chi tiêu một số thứ còn 10 triệu, mẹ M tính chuyện cất trữ khi nào cần đưa ra dùng nhưng đang phân vân chưa biết cất loại tiền tệ nào cho phù hợp để phòng khi đau ốm đưa ra dùng. Nếu em là mẹ M, em sẽ chọn cách cất trữ nào dưới đây?

- A. Dùng tiền giấy cất vào két sắt của gia đình. C. Dùng tiền mua vàng để cất trữ.
 B. Gửi tiền giấy vào ngân hàng cho yên tâm. D. Cho người khác mượn số tiền đó.

Câu 14. Để phát triển bền vững đất nước, theo em cần phải gắn với yếu tố nào dưới đây?

- A. Hội nhập kinh tế quốc tế. C. Tìm thị trường đầu tư.
 B. Phát triển cơ sở hạ tầng. D. Bảo vệ môi trường sinh thái.

Câu 15. Cha mẹ N đã trả cho công ty địa ốc 500 triệu đồng để mua căn hộ cho gia đình ở. Trong trường hợp này chức năng nào của tiền tệ đã được thực hiện?

- A. Thước đo giá trị. C. Phương tiện lưu thông.
B. Phương tiện cất trữ. D. Phương tiện thanh toán.

Câu 16. Phát triển kinh tế là

- A. tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và an sinh xã hội.
B. tăng trưởng kinh tế với cơ cấu kinh tế hợp lí, tiến bộ và công bằng xã hội.
C. tăng trưởng kinh tế với công bằng xã hội và tăng về số lượng, chất lượng.
D. có chính sách phù hợp để tăng và chuyển dịch cơ cấu một cách phù hợp.

Câu 17. Khi bàn về đối tượng lao động của quá trình sản xuất các bạn N, M, H, T đã có những ý kiến khác nhau. Qua kiến thức đã học, em chọn phương án nào trong 4 phương án của các bạn dưới đây?

- A. Bạn N: Tất cả yếu tố tự nhiên tồn tại xung quanh chúng ta đều là đối tượng lao động.
B. Bạn M: Những yếu tố tự nhiên có sẵn cho con người.
C. Bạn H: Đối tượng lao động là những yếu tố tự nhiên mà lao động con người tác động vào.
D. Bạn T: Đối tượng lao động là tư liệu cần cho quá trình sản xuất mà bất cứ ai cũng cần phải có.

Câu 18. P hỏi R, sau khi học xong phần 1 bài 2 sách giáo khoa GDCD 11, theo bạn, để một sản phẩm trở thành hàng hóa thì cần phải đủ những điều kiện nào dưới đây?

- A. Do lao động của con người tạo ra để phục vụ nhu cầu thiết yếu hàng ngày của mình.
B. Sản phẩm đó làm thỏa mãn nhu cầu của mọi người tiêu dùng nên được trao đổi, mua bán.
C. Thông qua sự trao đổi giữa người mua và người bán diễn ra trên thị trường.
D. Do lao động tạo ra, có công dụng nhất định và thông qua trao đổi, mua bán.

Câu 19. Là một người tiêu dùng, người mua hàng hóa trên thị trường, bản thân em thường quan tâm (Chú ý) đến thuộc tính nào của hàng hóa?

- A. Giá trị của hàng hóa. C. Giá cả hàng hóa.
B. Giá trị sử dụng của hàng hóa. D. Giá trị trao đổi của hàng hóa.

Câu 20. Ngày 28/08/2017 khi đi học về, K khoe với cha là con vừa được học ý nghĩa của việc phát triển kinh tế đối với cá nhân, gia đình và xã hội trong môn Giáo dục Công dân. Sau một hồi nói chuyện, cha hỏi con. Vậy, theo con trai việc phát triển kinh tế gia đình mình có ý nghĩa gì đối với con?

- A. Phát triển kinh tế giúp con có thêm thu nhập và phúc lợi cho con.
B. Củng cố niềm tin của con với người khác trong cuộc sống.
C. Nâng cao chất lượng cuộc sống và phát triển toàn diện cho con.
D. Tạo cơ sở quan trọng cho con để xây dựng gia đình chuẩn mực, văn hóa.

Câu 21. Sản xuất của cải vật chất là sự tác động của con người vào

- A. môi trường xung quanh tạo ra các sản phẩm phù hợp nhu cầu.
- B. sự tồn tại và phát triển liên tục của xã hội, con người tác động vào thiên nhiên.
- C. thiên nhiên của công cụ sản xuất cho ra các sản phẩm thiết yếu phục vụ nhu cầu của mình.
- D. tự nhiên, biến đổi yếu tố tự nhiên thành sản phẩm phù hợp nhu cầu của mình.

Câu 22. Hàng hóa là sản phẩm của lao động, có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người và thông qua

- A. trao tặng.
- B. trao đổi, mua bán.
- C. trao tặng, mua bán.
- D. trao đổi, trưng mua hàng hóa.

Câu 23. Tư liệu lao động là một vật hay hệ thống những vật làm nhiệm vụ truyền dẫn sự tác động của con người lên

- A. công cụ lao động.
- B. công cụ sản xuất.
- C. đối tượng lao động.
- D. vật dụng lao động.

Câu 24. Biểu hiện của giá trị hàng hóa là

- A. thỏa mãn nhu cầu.
- B. thu nhiều tiền lãi.
- C. giá trị trao đổi.
- D. sức mua của đồng tiền.

Câu 25. Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, theo em yếu tố nào dưới đây là quan trọng và quyết định nhất?

- A. Tư liệu lao động.
- B. Sức lao động.
- C. Đối tượng lao động.
- D. Công cụ lao động.

Câu 26. Thị trường có các chức năng cơ bản

- A. 3 chức năng.
- B. 4 chức năng.
- C. 5 chức năng.
- D. 6 chức năng.

Câu 27. H và P đã trao đổi với nhau về sự phát triển của một số nước trên thế giới rất khan hiếm tài nguyên, khoáng sản nhưng có nền kinh tế phát triển như Nhật Bản, Singapore,.... Bằng kiến thức đã học, em có nhận xét, đánh giá về vấn đề trên dựa vào yếu tố nào dưới đây?

- A. Khai thác nguồn lực con người, phát huy vai trò của yếu tố sức lao động và biết đầu tư khoa học.
- B. Mở rộng thị trường và nơi đầu tư cho kinh tế phát triển nhanh chóng.
- C. Đi đầu trong công tác cải tạo khoa học kỹ thuật vào quá trình sản xuất nông nghiệp.
- D. Có kết cấu cơ sở hạ tầng vững chắc, tầm quan trọng của ngoại giao.

Câu 28. X là một học sinh học giỏi, nhưng gia đình lại khó khăn nên X phải phụ giúp gia đình kiếm thêm thu nhập. Hiện nay, do trời mưa nhiều nên X có ý định bán áo mưa, song X không biết lựa chọn loại áo mưa nào cho phù hợp với người tiêu dùng. Nếu em là X trong tình huống đó, em sẽ vận dụng chức năng nào của thị trường để ra quyết định cho công việc buôn bán của mình được thuận lợi?

- A. Chức năng thực hiện giá trị của hàng hóa trên thị trường do người tiêu dùng quyết định.

B. Chức năng thừa nhận giá trị sử dụng của hàng hóa vì biết được sức mua của người tiêu dùng.

C. Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng để biết lựa chọn mặt hàng.

D. Chức năng thông tin của thị trường.

II. TỰ LUẬN(3 ĐIỂM)

Em hãy trình bày nội dung của quy luật giá trị? Nội dung của quy luật giá trị được biểu hiện như thế nào trong sản xuất và lưu thông hàng hoá? Là một người sản xuất hàng hóa theo em cần phải làm gì để vận dụng tốt quy luật giá trị?

----- HẾT -----

ĐÁP ÁN

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

1D 2A 3A 4B 5A 6B 7A 8C 9A 10B 11C 12A 13C 14D 15D 16B 17C 18D 19B 20C 21D
22B 23C 24C 25B 26A 27A 28D

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Ý	Nội dung kiến thức	Điểm
1 (0,5 điểm)	Nội dung quy luật giá trị là sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở thời gian lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra hàng hóa đó.	0,5
2 (1,5 điểm)	- Biểu hiện của quy luật giá trị trong lĩnh vực sản xuất và lưu thông đối với một hàng hoá và đối với tổng hàng hoá + Trong sản xuất: quy luật giá trị yêu cầu người sản xuất phải đảm bảo sao cho thời gian lao động cá biệt để sản xuất hàng hóa phải phù hợp với thời gian lao động xã hội cần thiết để sx ra từng hàng hóa đó và tổng thời gian lao động cá biệt bằng với tổng thời gian lao động xã hội cần thiết. + Trong lưu thông: Trong lưu thông, việc trao đổi hàng hóa phải dựa theo nguyên tắc ngang giá. . Đối với 1 hàng hóa, giá cả của một hàng hóa có thể bán cao hoặc thấp so với giá trị của nó nhưng bao giờ cũng phải xoay quanh trục giá trị hàng hóa, hay xoay quanh trục thời gian lao động xã hội cần thiết . Đối với tổng hàng hóa trên toàn xã hội, quy luật giá trị yêu cầu: tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải bằng tổng giá trị hàng hóa được t ra trong quá trình sản xuất.	1,5 0,75 0,75

3 (1 điểm)	<ul style="list-style-type: none"> - Phân đầu giảm chi phí, nâng cao sức cạnh tranh, thu nhiều lợi nhuận; - Chuyển dịch cơ cấu sản xuất, cơ cấu mặt hàng và ngành hàng sao cho phù hợp với nhu cầu; - Đổi mới khoa học, kỹ thuật – công nghệ; - Thực hành tiết kiệm, hợp lý hóa sản xuất, cải tiến mẫu mã, nâng cao chất lượng hàng hóa. 	1
----------------------	--	----------

6. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 5

TRƯỜNG THPT LÊ MINH XUÂN

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 11

Câu 1. (1,5 điểm): Em hãy chọn câu trả lời đúng trong các đáp án sau đây. Sản xuất của cải vật chất là quá trình:

- A. Tạo ra của cải vật chất.
- B. Sản xuất xã hội.
- C. Con người tác động vào giới tự nhiên để tạo ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu của mình.
- D. Tạo ra cơm ăn áo mặc ,tạo ra tư liệu sản xuất.

Câu 2.(1,5 điểm): Một sản phẩm để trở thành hàng hóa cần có mấy điều kiện?

- A. Hai điều kiện.
- B. Ba điều kiện.
- C. Bốn điều kiện.
- D. Một điều kiện.

Câu 3.(5 điểm): Em hãy nêu và phân tích tính hai mặt của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa? Cho ví dụ.

Câu 4.(2 điểm): Em hãy giải thích vì sao “ sức lao động ” lại là yếu tố quan trọng và quyết định nhất trong quá trình sản xuất? Cho ví dụ.

ĐÁP ÁN

CÂU	ĐÁP ÁN	ĐIỂM
CÂU1	ĐÁP ÁN C	1,5 Đ
CÂU 2	ĐÁP ÁN B	1,5Đ

CÂU 3	MẶT TÍCH CỰC CỦA CẠNH TRANH;	
	- là động lực kinh tế của sản xuất và lưu thông hàng hóa	0,5đ
	- kích thích lực lượng sản xuất . khoa học kỹ thuật phát triển và năng xuất lao động tăng lên	0,5đ
	- khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước vào đầu tư xây dựng phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN	0,5đ
	- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ,nâng cao năng lực cạnh tranh nền kinh tế ,góp phần hội nhập kinh tế quốc tế	0,5đ
	- nêu được vài ví dụ thực tiễn ...	0,5đ

	MẶT HẠN CHẾ CỦA CẠNH TRANH:	
	- chạy theo lợi nhuận một cách thiếu ý thức ,vi phạm quy luật tự nhiên trong khai thác tài nguyên.làm môi trường suy thoái và mất cân bằng nghiêm trọng	0,5đ
	- Để giành giật khách hàng và lợi nhuận nhiều hơn, một số người không từ bỏ những thủ đoạn phi pháp bắt lương	0,5đ
	- Đầu cơ tích trữ gây rối loạn thị trường , từ đó nâng giá lên cao làm ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống của người dân	0,5đ
	- Nêu được vài ví dụ thực tiễn ...	1đ
CÂU 4	- trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất thì:đối tượng lao động và tư liệu lao động đều bắt nguồn từ tự nhiên.còn sức lao động với tính sáng tạo giữ vai trò quan trọng và quyết định nhất.	0,5đ
	- trình độ phát triển của quá trình sản xuất là sự phản ánh sức lao động sáng tạo của con người	0,5đ
	- Nhật Bản là quốc gia nghèo về tài nguyên ,nhiều thảm họa động đất,sóng thầnnhưng vẫn vươn lên trở thành cường quốc về kinh tế ,khoa học,công nghệ...vì sức lao động sáng tạo của họ.	0,5đ
	- Giáo dục ,chăm lo phát triển nguồn lực con người là cần thiết.khôi phục và bảo vệ tài nguyên, môi trường nhiệm vụ của mỗi người.....	0,5đ

7. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 6

TRƯỜNG THPT PHÚ HÒA
ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11
Năm học 2021 - 2022
Môn: GDCD - Lớp 11

Chọn một phương án đúng nhất cho mỗi câu sau:

Câu 1: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

- A. Thời gian lao động cá biệt
B. Thời gian lao động xã hội cần thiết
C. Giá trị của hàng hóa
D. Nhu cầu của mọi người

Câu 2: Yếu tố nào quyết định số lượng **cung** hàng hóa ?

- A. Các yếu tố sản xuất
B. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực
C. Mức giá cả hàng hóa
D. Khả năng sản xuất

Câu 3: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu ?

- A. Vừa có lợi, vừa thua thiệt
B. Luôn có lợi
C. Thiệt thòi, bị ép giá
D. Không bị ảnh hưởng gì

Câu 4: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

- A. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường
B. Cung – cầu tác động lẫn nhau
C. Tất cả các các biểu hiện trên
D. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu

Câu 5: Cuộc tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi nào ?

- A. Khi lưu thông hàng hóa xuất hiện
B. Khi sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện
C. Khi sản xuất hàng hóa xuất hiện
D. Khi quy luật giá trị xuất hiện

Câu 6: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước-
B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
C. Kích thích sức sản xuất
D. Làm cho môi trường bị suy thoái

Câu 7: Hành vi nào sau đây là sự biểu hiện của sự cạnh tranh **không lành mạnh** ?

- A. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất
B. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận---
C. Hạ giá thành sản phẩm
D. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng

Câu 8: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi :

- A. Giá trị sử dụng của hàng hóa
B. Những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa
C. Giá trị của hàng hóa
D. Thời gian lao động xã hội cần thiết

Câu 9: Ý kiến nào **đúng** khi nói về cạnh tranh ?

- A.** Ở nơi nào có sản xuất thì nơi có có cạnh tranh cạnh tranh
- B.** Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh
- C.** Nền kinh tế tự túc tự cấp có cạnh tranh cạnh tranh
- D.** Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh

Câu 10: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

- A.** Cạnh tranh và phân phối sản phẩm
- B.** Độc quyền
- C.** Cung – cầu
- D.** Người mua, người bán

Câu 11: Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?

- A.** Làm hàng nhái giống như của nước ngoài
- B.** Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả
- C.** Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta
- D.** Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa

Câu 12: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

- A.** Thời gian lao động xã hội cần thiết
- B.** Giá trị hàng hóa
- C.** Thời gian lao động cá nhân
- D.** Thời gian lao động cá biệt

Câu 13: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản nào ?

- A.** Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị
- B.** Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán
- C.** Hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị
- D.** Cung – cầu, giá cả, tiền tệ

Câu 14: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A.** Quy luật lưu thông hàng hóa
- B.** Quy luật cạnh tranh
- C.** Quy luật giá trị
- D.** Quy luật cung – cầu

Câu 15: Nam có thu nhập ổn định 9 triệu đồng/ tháng. Nam không có khả năng thanh toán nhu cầu nào ?

- A.** Mua xe gắn máy cho con đi học
- B.** Mua nhà ở xã hội
- C.** Đổi điện thoại đời mới
- D.** Mua ô tô đi làm

Câu 16: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A.** Quy luật giá trị
- B.** Quy luật cung – cầu
- C.** Quy luật cạnh tranh
- D.** Quy luật lưu thông hàng hóa

Câu 17: Lưu thông tiền tệ do yếu tố nào quy định ?

- A.** Lưu thông hàng hóa
- B.** Ngân hàng Nhà nước
- C.** Chất lượng sản phẩm
- D.** Giá cả hàng hóa

Câu 18: là cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực .

A. Cạnh tranh hoàn hảo

B. Cạnh tranh lành mạnh

C. Cạnh tranh lí tưởng

D. Cạnh tranh tích cực

Câu 19: Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, mức độ cạnh tranh như thế nào ?

A. Vừa có cạnh tranh vừa có độc quyền

B. Chỉ có độc quyền không có cạnh tranh

C. Chỉ có cạnh tranh không có độc quyền

D. Cạnh tranh thì ít, độc quyền nhiều hơn

Câu 20: Khi năng suất lao động tăng lên gấp 3 lần thì **lượng giá trị** của hàng hóa như thế nào ?

A. Giảm xuống 1/2

B. Tăng lên gấp 3 lần

C. Giảm xuống 1/3

D. Không thay đổi

Câu 21: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

A. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

B. Tăng năng suất lao động

C. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển

D. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

Câu 22: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào ?

A. Anh-

B. Mỹ

C. Trung Quốc

D. Pháp

Câu 23: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định :

A. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ

B. Số lượng hàng hóa lưu thông

C. Giá trị hàng hóa

D. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ

Câu 24: Trong nền kinh tế thị trường, khái niệm cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu nào?

A. Hàng hóa mà người tiêu dùng cần

B. Nhu cầu có khả năng thanh toán

C. Nhu cầu của mọi người

D. Nhu cầu nói chung

Câu 25: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất ?

A. Mức giá cả hàng hóa

B. Sở thích người tiêu dùng

C. Thu nhập

D. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng

Câu 26: Hành động nào là thể hiện sự **cạnh tranh lành mạnh** ?

A. Tẩy chay hàng hóa của nhà sản xuất khác

B. Chèo kéo, tranh giành khách hàng

C. Giảm giá bán sản phẩm khác

D. Bêu xấu các sản phẩm của nhà sản xuất khác

Câu 27: Một hàng hóa sản xuất ra có được thị trường **thừa nhận hay không** thể hiện thông qua số lượng hàng hóa

A. Không bán được
mã

B. Được bày bán nhiều hay ít

C. Thay đổi mẫu

D. Giá bán

Câu 28: Nhà nước có trách nhiệm điều tiết cạnh tranh bằng cách thông qua các hình thức :

- A. Nâng cao mức thuế thu nhập XH thích hợp
 B. Giáo dục, pháp luật, chính sách kinh tế -
 C. Giáo dục tư tưởng cho các chủ thể kinh tế
 D. Phổ biến pháp luật cho mọi người nắm được-

Câu 29: Xét tổng hàng hóa trên phạm vi toàn xã hội thì quy luật giá trị yêu cầu :

- A. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải = Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
 B. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải < Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
 C. Tổng giá trị hàng hóa sau khi bán \geq Tổng giá cả hàng hóa được tạo ra trong SX
 D. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải > Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX

Câu 30: Trường hợp nào người bán có **nhều lãi** ?

- A. Cung < cầu
 B. Cung = cầu
 C. Cung > cầu
 D. Mọi trường hợp đều có lãi

Câu 31: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Kích thích sức sản xuất
 B. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước-
 C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
 D. Làm cho môi trường bị suy thoái

Câu 32: Biểu hiện của quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa là gì ?

- A. Trao đổi theo theo nguyên tắc ngang giá
 B. Trao đổi theo quan hệ cung – cầu
 C. Trao đổi theo sự biến động của thị trường
 D. Trao đổi theo nhu cầu

Câu 33: Khi cung < cầu thì **tất yếu** điều gì xảy ra trên thị trường ?

- A. Giá cả < giá trị hàng hóa
 B. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất
 C. Giá cả > giá trị hàng hóa
 D. Giá cả = giá trị hàng hóa

Câu 34: Nắm bắt thông tin trên thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với **người mua** hàng ?

- A. Không thiệt thòi khi bán hàng
 B. Nhắc nhở người khác không thực hiện sai giá trị hàng hoá
 C. Thiếu tự tin khi tham gia mua bán trên thị trường
 D. Giúp người mua điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

Câu 35: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?

- A. Trở thành người chi phối thị trường
 B. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất
 C. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác
 D. Bán được nhiều hàng hóa nhất

Câu 36: Quá trình thực hiện giá trị sử dụng của hàng hóa được thực hiện trên lĩnh vực nào?

- A. Phân phối-
 B. Tiêu dùng
 C. Sản xuất
 D. Lưu thông

Câu 37: Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiêu dùng muốn có **giá trị sử dụng** của hàng hóa thì trước hết phải thực hiện được điều gì?

A. Lao động cá biệt B. Giá trị xã hội C. Giá trị - D. Giá trị trao đổi

Câu 38: Để giúp cho các chủ thể kinh tế kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh đúng kỷ cương. Nhà nước cần phải làm gì?

- A. Quản lý các hoạt động của các chủ thể kinh tế
 B. Tạo hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi, hiệu quả
 C. Bù lỗ cho các doanh nghiệp bị thua lỗ
 D. Để cho các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh

Câu 39: Mối quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là:

A. Bằng nhau B. Ngược chiều C. Tỷ lệ thuận D. Tỷ lệ nghịch

Câu 40: Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất ?

- A. Trong lĩnh vực xã hội B. Trong lĩnh vực kinh tế
 C. Trong lĩnh vực nghệ thuật D. Trong lĩnh vực chính trị

ĐÁP ÁN

1B 2C 3A 4D 5B 6D 7B 8D 9D 10C 11D 12B 13B 14C 15D 16A 17A 18B 19A 20D 21A 22C
 23A 24B 25C 26C 27A 28B 29A 30A 31D 32A 33C 34D 35C 36B 37C 38B 39D 40B

8. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 7

TRƯỜNG THPT BÀ ĐIỂM ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11 Năm học 2021 - 2022 Môn: GDCD - Lớp 11

Chọn một phương án đúng nhất cho mỗi câu sau:

Câu 1: Hành vi nào sau đây là sự biểu hiện của sự cạnh tranh *không lành mạnh* ?

- A. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng
 B. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận----
 C. Hạ giá thành sản phẩm
 D. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất

Câu 2: là cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực .

- A. Cạnh tranh tích cực B. Cạnh tranh lành mạnh
 C. Cạnh tranh lí tưởng D. Cạnh tranh hoàn hảo

Câu 3: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào ?

- A. Anh B. Mỹ C. Pháp D. Trung Quốc

Câu 4: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

- A. Thời gian lao động xã hội cần thiết B. Giá trị hàng hóa

C. Thời gian lao động cá biệt

D. Thời gian lao động cá nhân

Câu 5: Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, mức độ cạnh tranh như thế nào ?

A. Cạnh tranh thì ít, độc quyền nhiều hơn

B. Chỉ có cạnh tranh không có độc quyền

C. Chỉ có độc quyền không có cạnh tranh

D. Vừa có cạnh tranh vừa có độc quyền

Câu 6: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi :

A. Giá trị của hàng hóa

B. Thời gian lao động xã hội cần thiết

C. Giá trị sử dụng của hàng hóa

D. Những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa

Câu 7: Trong nền kinh tế thị trường, khái niệm cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu nào?

A. Nhu cầu có khả năng thanh toán

B. Nhu cầu của mọi người

C. Nhu cầu nói chung

D. Hàng hóa mà người tiêu dùng cần

Câu 8: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?

A. Trở thành người chi phối thị trường khác

B. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác

C. Bán được nhiều hàng hóa nhất

D. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất

Câu 9: Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất ?

A. Trong lĩnh vực nghệ thuật

B. Trong lĩnh vực chính trị

C. Trong lĩnh vực kinh tế

D. Trong lĩnh vực xã hội

Câu 10: Trường hợp nào người bán có *nhieu lai* ?

A. Cung < cầu

B. Cung = cầu

C. Mọi trường hợp đều có

lai D. Cung > cầu

Câu 11: Khi cung < cầu thì *tất yếu* điều gì xảy ra trên thị trường ?

A. Giá cả > giá trị hàng hóa

B. Giá cả = giá trị hàng hóa

C. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất

D. Giá cả < giá trị hàng hóa

Câu 12: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

A. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

B. Cung – cầu tác động lẫn nhau

C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu

D. Tất cả các các biểu hiện trên

Câu 13: Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi nào ?

A. Khi quy luật giá trị xuất hiện

B. Khi sản xuất hàng hóa xuất hiện

C. Khi lưu thông hàng hóa xuất hiện

D. Khi sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện

hiện

Câu 14: Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiêu dùng muốn có *giá trị sử dụng* của hàng hóa thì trước hết phải thực hiện được điều gì?

- A. Lao động cá biệt B. Giá trị trao đổi C. Giá trị xã hội D. Giá trị -

Câu 15: Để giúp cho các chủ thể kinh tế kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh đúng kỷ cương. Nhà nước cần phải làm gì?

- A. Tạo hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi, hiệu quả
B. Bù lỗ cho các doanh nghiệp bị thua lỗ
C. Quản lý các hoạt động của các chủ thể kinh tế
D. Để cho các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh

Câu 16: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản nào ?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị B. Hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị
C. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán D. Cung – cầu, giá cả, tiền tệ

Câu 17: Hành động nào là thể hiện sự **cạnh tranh lành mạnh** ?

- A. Bêu xấu các sản phẩm của nhà sản xuất khác B. Tẩy chay hàng hóa của nhà sản xuất khác
C. Giảm giá bán sản phẩm D. Chèo kéo, tranh giành khách hàng

Câu 18: Mối quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là:

- A. Tỷ lệ nghịch B. Tỷ lệ thuận C. Bằng nhau D. Ngược chiều

Câu 19: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

- A. Tăng năng suất lao động
B. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển
C. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa
D. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

Câu 20: Một hàng hóa sản xuất ra có được thị trường **thừa nhận hay không** thể hiện thông qua số lượng hàng hóa

- A. Được bày bán nhiều hay ít B. Không bán được
C. Giá bán D. Thay đổi mẫu mã

Câu 21: Quá trình thực hiện giá trị sử dụng của hàng hóa được thực hiện trên lĩnh vực nào?

- A. Lưu thông B. Sản xuất C. Tiêu dùng D. Phân phối-

Câu 22: Yếu tố nào quyết định số lượng **cung** hàng hóa ?

- A. Khả năng sản xuất B. Mức giá cả hàng hóa
C. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực D. Các yếu tố sản xuất

Câu 23: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

A. Quy luật giá trị

B. Quy luật cạnh tranh

C. Quy luật lưu thông hàng hóa

D. Quy luật cung – cầu

Câu 24: Biểu hiện của quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa là gì ?

A. Trao đổi theo quan hệ cung – cầu

B. Trao đổi theo nhu cầu

C. Trao đổi theo sự biến động của thị trường

D. Trao đổi theo theo nguyên tắc ngang giá

Câu 25: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

A. Cung – cầu

B. Độc quyền

C. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm

D. Người mua, người bán

Câu 26: Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?

A. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài

B. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa

C. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta

D. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả

Câu 27: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

A. Quy luật cạnh tranh

B. Quy luật lưu thông hàng hóa

C. Quy luật giá trị

D. Quy luật cung – cầu

Câu 28: Năm bất thông tin trên thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với **người mua** hàng ?

A. Giúp người mua điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

B. Thiếu tự tin khi tham gia mua bán trên thị trường

C. Không thiệt thòi khi bán hàng

D. Nhắc nhở người khác không thực hiện sai giá trị hàng hoá

Câu 29: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu ?

A. Vừa có lợi, vừa thua thiệt
D. Luôn có lợi

B. Thiệt thòi, bị ép giá

C. Không bị ảnh hưởng

Câu 30: Xét tổng hàng hóa trên phạm vi toàn xã hội thì quy luật giá trị yêu cầu :

A. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải < Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX

B. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải > Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX

C. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải = Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX

D. Tổng giá trị hàng hóa sau khi bán >= Tổng giá cả hàng hóa được tạo ra trong SX

Câu 31: Lưu thông tiền tệ do yếu tố nào quy định ?

A. Chất lượng sản phẩm

B. Ngân hàng Nhà nước

C. Giá cả hàng hóa

D. Lưu thông hàng hóa

Câu 32: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

A. Thời gian lao động cá biệt

B. Giá trị của hàng hóa

C. Nhu cầu của mọi người

D. Thời gian lao động xã hội cần thiết

Câu 33: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất ?

A. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng

B. Sở thích người tiêu dùng

C. Mức giá cả hàng hóa

D. Thu nhập

Câu 34: Nhà nước có trách nhiệm điều tiết cạnh tranh bằng cách thông qua các hình thức :

A. Phổ biến pháp luật cho mọi người nắm được-

B. Giáo dục tư tưởng cho các chủ thể kinh tế

C. Giáo dục, pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội thích hợp

D. Nâng cao mức thuế thu nhập

Câu 35: Nam có thu nhập ổn định 9 triệu đồng/ tháng. Nam không có khả năng thanh toán nhu cầu nào ?

A. Đổi điện thoại đời mới

B. Mua nhà ở xã hội

C. Mua xe gắn máy cho con đi học

D. Mua ô tô đi làm

Câu 36: Khi năng suất lao động tăng lên gấp 3 lần thì **lượng giá trị** của hàng hóa như thế nào ?

A. Giảm xuống 1/2

B. Giảm xuống 1/3

C. Không thay đổi

D. Tăng lên gấp 3 lần

Câu 37: Ý kiến nào **đúng** khi nói về cạnh tranh ?

A. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi đó có cạnh tranh

B. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh

C. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh

D. Nền kinh tế tự túc tự cấp có cạnh tranh

Câu 38: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định :

A. Số lượng hàng hóa lưu thông

B. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ

C. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ

D. Giá trị hàng hóa

Câu 39: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Kích thích sức sản xuất
đất nước-

B. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của

C. Làm cho môi trường bị suy thoái

D. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Câu 40: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước-

B. Làm cho môi trường bị suy thoái

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

D. Kích thích sức sản xuất

ĐÁP ÁN

1B 2B 3D 4B 5D 6B 7A 8B 9C 10A 11A 12C 13D 14D 15A 16C 17C 18A 19D 20B

21C 22B 23A 24D 25A 26B 27C 28A 29A 30C 31D 32D 33D 34C 35D 36C 37C 38B 39C
40B

9. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 8

TRƯỜNG THPT NGUYỄN VĂN CỪ

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 11

Chọn một phương án đúng nhất cho mỗi câu sau:

Câu 1: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định:

A. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ

B. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ

C. Giá trị hàng hóa

D. Số lượng hàng hóa lưu thông

Câu 2: là cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực .

A. Cạnh tranh hoàn hảo

B. Cạnh tranh lành mạnh

C. Cạnh tranh lí tưởng

D. Cạnh tranh tích cực

Câu 3: Khi cung < cầu thì **tất yếu** điều gì xảy ra trên thị trường ?

A. Giá cả < giá trị hàng hóa

B. Giá cả = giá trị hàng hóa

C. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất

D. Giá cả > giá trị hàng hóa

Câu 4: Hành động nào là thể hiện sự **cạnh tranh lành mạnh** ?

A. Giảm giá bán sản phẩm khác

B. Bêu xấu các sản phẩm của nhà sản xuất khác

C. Tẩy chay hàng hóa của nhà sản xuất khác

D. Chèo kéo, tranh giành khách hàng

Câu 5: Để giúp cho các chủ thể kinh tế kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh đúng kỷ cương. Nhà nước cần phải làm gì?

A. Quản lý các hoạt động của các chủ thể kinh tế

B. Để cho các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh

C. Bù lỗ cho các doanh nghiệp bị thua lỗ

D. Tạo hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi, hiệu quả

Câu 6: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất ?

A. Thu nhập

B. Mức giá cả hàng hóa

C. Sở thích người tiêu dùng

D. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng

Câu 7: Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?

- A. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa
- B. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta
- C. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài
- D. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả

Câu 8: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A. Quy luật lưu thông hàng hóa
- B. Quy luật cung – cầu
- C. Quy luật giá trị
- D. Quy luật cạnh tranh

Câu 9: Xét tổng hàng hóa trên phạm vi toàn xã hội thì quy luật giá trị yêu cầu :

- A. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải = Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
- B. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải > Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
- C. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải < Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX
- D. Tổng giá trị hàng hóa sau khi bán \geq Tổng giá cả hàng hóa được tạo ra trong SX

Câu 10: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A. Quy luật lưu thông hàng hóa
- B. Quy luật cung – cầu
- C. Quy luật giá trị
- D. Quy luật cạnh tranh

Câu 11: Quá trình thực hiện giá trị sử dụng của hàng hóa được thực hiện trên lĩnh vực nào?

- A. Lưu thông
- B. Tiêu dùng
- C. Phân phối
- D. Sản xuất

Câu 12: Ý kiến nào **đúng** khi nói về cạnh tranh ?

- A. Nền kinh tế tự túc tự cấp có cạnh tranh
- B. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh
- C. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh
- D. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi có cạnh tranh

Câu 13: Nắm bắt thông tin trên thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với **người mua** hàng ?

- A. Nhắc nhở người khác không thực hiện sai giá trị hàng hoá
- B. Không thiệt thòi khi bán hàng
- C. Giúp người mua điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất
- D. Thiếu tự tin khi tham gia mua bán trên thị trường

Câu 14: Yếu tố nào quyết định số lượng **cung** hàng hóa ?

- A. Mức giá cả hàng hóa
- B. Các yếu tố sản xuất
- C. Khả năng sản xuất
- D. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực

Câu 15: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

- A. Thời gian lao động cá biệt
- B. Thời gian lao động xã hội cần thiết

C. Thời gian lao động cá nhân

D. Giá trị hàng hóa

Câu 16: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi :

A. Giá trị sử dụng của hàng hóa

B. Thời gian lao động xã hội cần thiết

C. Giá trị của hàng hóa trong hàng hóa

D. Những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa

Câu 17: Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi nào ?

A. Khi quy luật giá trị xuất hiện

B. Khi lưu thông hàng hóa xuất hiện

C. Khi sản xuất hàng hóa xuất hiện

D. Khi sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện

Câu 18: Lưu thông tiền tệ do yếu tố nào quy định ?

A. Giá cả hàng hóa

B. Chất lượng sản phẩm

C. Lưu thông hàng hóa

D. Ngân hàng Nhà nước

Câu 19: Trong nền kinh tế thị trường, khái niệm cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu nào?

A. Nhu cầu nói chung

B. Nhu cầu có khả năng thanh toán

C. Nhu cầu của mọi người

D. Hàng hóa mà người tiêu dùng cần

Câu 20: Mối quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là:

A. Bằng nhau

B. Tỷ lệ thuận

C. Ngược chiều

D. Tỷ lệ nghịch

Câu 21: Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiêu dùng muốn có *giá trị sử dụng* của hàng hóa thì trước hết phải thực hiện được điều gì?

A. Giá trị xã hội

B. Giá trị -

C. Lao động cá biệt

D. Giá trị trao đổi

Câu 22: Nam có thu nhập ổn định 9 triệu đồng/ tháng. Nam không có khả năng thanh toán nhu cầu nào ?

A. Đổi điện thoại đời mới

B. Mua xe gắn máy cho con đi học

C. Mua nhà ở xã hội

D. Mua ô tô đi làm

Câu 23: Khi năng suất lao động tăng lên gấp 3 lần thì **lượng giá trị** của hàng hóa như thế nào ?

A. Không thay đổi

B. Giảm xuống 1/2

C. Tăng lên gấp 3 lần

D. Giảm xuống 1/3

Câu 24: Cạnh tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất ?

A. Trong lĩnh vực chính trị

B. Trong lĩnh vực xã hội

C. Trong lĩnh vực nghệ thuật

D. Trong lĩnh vực kinh tế

Câu 25: Hành vi nào sau đây là sự biểu hiện của sự cạnh tranh **không lành mạnh** ?

A. Hạ giá thành sản phẩm

B. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận--

C. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất

D. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu hút khách hàng

Câu 26: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

A. Giá trị của hàng hóa

B. Thời gian lao động cá biệt

C. Nhu cầu của mọi người

D. Thời gian lao động xã hội cần thiết

Câu 27: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Kích thích sức sản xuất

B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước-

D. Làm cho môi trường bị suy thoái

Câu 28: Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, mức độ cạnh tranh như thế nào ?

A. Chỉ có cạnh tranh không có độc quyền

B. Cạnh tranh thì ít, độc quyền nhiều hơn

C. Vừa có cạnh tranh vừa có độc quyền

D. Chỉ có độc quyền không có cạnh tranh

Câu 29: Một hàng hóa sản xuất ra có được thị trường **thừa nhận hay không** thể hiện thông qua số lượng hàng hóa

A. Được bày bán nhiều hay ít

B. Giá bán

C. Không bán được

D. Thay đổi mẫu mã

Câu 30: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản nào ?

A. Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị

B. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán

C. Hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị

D. Cung – cầu, giá cả, tiền tệ

Câu 31: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Làm cho môi trường bị suy thoái

B. Kích thích sức sản xuất

C. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước-

D. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của

Câu 32: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

A. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

B. Cung – cầu tác động lẫn nhau

C. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung – cầu

D. Tất cả các biểu hiện trên

Câu 33: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu ?

A. Thiệt thòi, bị ép giá

B. Luôn có lợi

C. Không bị ảnh hưởng gì

D. Vừa có lợi, vừa thua thiệt

Câu 34: Trường hợp nào người bán có **nhiều lãi** ?

A. Cung < cầu

B. Mọi trường hợp đều có lãi

C. Cung > cầu

D. Cung = cầu

Câu 35: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

- A. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa
- B. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa
- C. Tăng năng suất lao động
- D. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển

Câu 36: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?

- A. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác
- B. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất
- C. Bán được nhiều hàng hóa nhất
- D. Trở thành người chi phối thị trường

Câu 37: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào ?

- A. Mỹ
- B. Anh
- C. Trung Quốc
- D. Pháp

Câu 38: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

- A. Cung – cầu
- B. Người mua, người bán
- C. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm
- D. Độc quyền

Câu 39: Nhà nước có trách nhiệm điều tiết cạnh tranh bằng cách thông qua các hình thức :

- A. Phổ biến pháp luật cho mọi người nắm được-
- B. Giáo dục, pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội thích hợp
- C. Nâng cao mức thuế thu nhập
- D. Giáo dục tư tưởng cho các chủ thể kinh tế

Câu 40: Biểu hiện của quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa là gì ?

- A. Trao đổi theo nhu cầu
- B. Trao đổi theo quan hệ cung – cầu
- C. Trao đổi theo sự biến động của thị trường
- D. Trao đổi theo theo nguyên tắc ngang giá

ĐÁP ÁN

1D 2D 3C 4B 5C 6C 7B 8A 9B 10B 11D 12C 13C 14A 15D 16D 17A 18D 19A 20D

21A 22D 23C 24A 25B 26C 27C 28D 29A 30B 31B 32D 33B 34D 35A 36B 37A 38C 39B

40C

10. Đề thi giữa HK1 môn GDCD 11 số 9

TRƯỜNG THPT NGUYỄN HỮU TIẾN

ĐỀ THI GIỮA HK1 GDCD 11

Năm học 2021 - 2022

Môn: GDCD - Lớp 11

Chọn một phương án đúng nhất cho mỗi câu sau:

Câu 1: Cuộc tranh trong lĩnh vực nào là quan trọng nhất ?

- A. Trong lĩnh vực nghệ thuật
- B. Trong lĩnh vực chính trị
- C. Trong lĩnh vực xã hội
- D. Trong lĩnh vực kinh tế

Câu 2: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A. Quy luật cung – cầu
- B. Quy luật cạnh tranh
- C. Quy luật lưu thông hàng hóa
- D. Quy luật giá trị

Câu 3: Quá trình thực hiện giá trị sử dụng của hàng hóa được thực hiện trên lĩnh vực nào?

- A. Lưu thông
- B. Phân phối-
- C. Tiêu
- D. Sản xuất

Câu 4: Trường hợp nào người bán có **nhiều lãi** ?

- A. Mọi trường hợp đều có lãi
- B. Cung < cầu
- C. Cung > cầu
- D. Cung = cầu

Câu 5: Việc trao đổi các hàng hóa với nhau trên thị trường thực chất là trao đổi :

- A. Giá trị sử dụng của hàng hóa
- B. Những lượng lao động hao phí bằng nhau ẩn chứa trong hàng hóa
- C. Thời gian lao động xã hội cần thiết
- D. Giá trị của hàng hóa

Câu 6: Ý kiến nào **đúng** khi nói về cạnh tranh ?

- A. Nền kinh tế tự túc tự cấp có cạnh tranh
- B. Ở nơi nào có sản xuất thì nơi đó có cạnh tranh
- C. Chỉ có sản xuất hàng hóa thì mới có cạnh tranh
- D. Nền kinh tế tập trung bao cấp có cạnh tranh

Câu 7: Trong nền kinh tế thị trường, khái niệm cầu được hiểu là tên gọi tắt của nhu cầu nào?

- A. Nhu cầu của mọi người
- B. Nhu cầu có khả năng thanh toán
- C. Hàng hóa mà người tiêu dùng cần
- D. Nhu cầu nói chung

Câu 8: Người tiêu dùng Việt Nam đang có xu hướng chuộng dùng hàng ngoại. Để hạn chế xu hướng này các chủ thể sản xuất kinh doanh trong nước cần phải làm gì?

- A. Tích cực cạnh tranh với các mặt hàng nước ngoài giành ưu thế trên thị trường nội địa
- B. Tìm cách ngăn chặn không cho hàng hoá nước ngoài tràn vào nước ta
- C. Làm hàng nhái giống như của nước ngoài
- D. Có những ưu đãi đặc biệt về giá cả

Câu 9: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

- A. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế
- B. Làm cho môi trường bị suy thoái
- C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước
- D. Kích thích sức sản xuất

Câu 10: Nhà nước có trách nhiệm điều tiết cạnh tranh bằng cách thông qua các hình thức :

- A. Nâng cao mức thuế thu nhập
- B. Giáo dục, pháp luật, chính sách kinh tế - xã hội thích hợp
- C. Giáo dục tư tưởng cho các chủ thể kinh tế
- D. Phổ biến pháp luật cho mọi người nắm được-

Câu 11: Yếu tố nào quyết định số lượng **cung** hàng hóa ?

- A. Khả năng sản xuất
- B. Các yếu tố sản xuất
- C. Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực
- D. Mức giá cả hàng hóa

Câu 12: Mỗi quan hệ giữa số lượng cầu và giá cả hàng hóa là:

- A. Ngược chiều
- B. Tỷ lệ thuận
- C. Tỷ lệ nghịch
- D. Bằng nhau

Câu 13: Khi $cung < cầu$ thì **tất yếu** điều gì xảy ra trên thị trường ?

- A. Nhà sản xuất mở rộng quy mô sản xuất
- B. Giá cả < giá trị hàng hóa
- C. Giá cả > giá trị hàng hóa
- D. Giá cả = giá trị hàng hóa

Câu 14: Trên thị trường, sự tác động của nhân tố nào khiến cho giá cả hàng hóa trở nên cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị?

- A. Cung – cầu
- B. Người mua, người bán
- C. Độc quyền
- D. Cạnh tranh và phân phối sản phẩm

Câu 15: Quy luật kinh tế nào chi phối trong nền sản xuất hàng hóa ?

- A. Quy luật cạnh tranh
- B. Quy luật lưu thông hàng hóa
- C. Quy luật cung – cầu
- D. Quy luật giá trị

Câu 16: là cạnh tranh diễn ra theo đúng pháp luật và gắn liền với các tác động tích cực .

- A. Cạnh tranh tích cực
- B. Cạnh tranh lí tưởng
- C. Cạnh tranh hoàn hảo
- D. Cạnh tranh lành mạnh

Câu 17: Một hàng hóa sản xuất ra có được thị trường **thừa nhận hay không** thể hiện thông qua số lượng hàng hóa

- A. Không bán được
- B. Giá bán
- C. Thay đổi mẫu mã
- D. Được bày bán nhiều hay ít

Câu 18: Nam có thu nhập ổn định 9 triệu đồng/ tháng. Nam không có khả năng thanh toán nhu cầu nào ?

- A. Đổi điện thoại đời mới
- B. Mua nhà ở xã hội
- C. Mua xe gắn máy cho con đi học
- D. Mua ô tô đi làm

Câu 19: Theo nội dung quy luật giá trị, sản xuất và lưu thông hàng hóa phải dựa trên cơ sở nào?

A. Thời gian lao động xã hội cần thiết

B. Nhu cầu của mọi người

C. Thời gian lao động cá biệt

D. Giá trị của hàng hóa

Câu 20: Nội dung của quan hệ cung – cầu trên thị trường nhằm xác định :

A. Số lượng hàng hóa lưu thông

B. Giá trị hàng hóa

C. Mức giá cả hàng hóa, dịch vụ

D. Giá cả và số lượng hàng hóa, dịch vụ

Câu 21: Biểu hiện của quy luật giá trị trong lưu thông hàng hóa là gì ?

A. Trao đổi theo nguyên tắc ngang giá

B. Trao đổi theo sự biến động của thị trường

C. Trao đổi theo nhu cầu

D. Trao đổi theo quan hệ cung – cầu

Câu 22: Tiền giấy ra đời đầu tiên ở quốc gia nào ?

A. Anh

B. Pháp

C. Mỹ

D. Trung Quốc

Câu 23: Trong nền kinh tế hàng hóa, người tiêu dùng muốn có *giá trị sử dụng* của hàng hóa thì trước hết phải thực hiện được điều gì?

A. Lao động cá biệt

B. Giá trị xã hội

C. Giá trị

D. Giá trị trao đổi-

Câu 24: Nắm bắt thông tin trên thị trường có ý nghĩa như thế nào đối với **người mua** hàng ?

A. Giúp người mua điều chỉnh việc mua sao cho có lợi nhất

B. Không thiệt thòi khi bán hàng

C. Thiếu tự tin khi tham gia mua bán trên thị trường

D. Nhắc nhở người khác không thực hiện sai giá trị hàng hoá

Câu 25: Khi giá cả hàng hóa tăng lên, các doanh nghiệp mở rộng sản xuất. Đây là biểu hiện nào trong quan hệ cung - cầu ?

A. Tất cả các các biểu hiện trên
cầu

B. Giá cả thị trường ảnh hưởng đến cung –

C. Cung – cầu ảnh hưởng đến giá cả thị trường

D. Cung – cầu tác động lẫn nhau

Câu 26: Việc phân phối lại nguồn hàng từ nơi có lãi ít đến nơi có nhiều lãi là kết quả tác động nào của quy luật giá trị?

A. Phân hóa giàu nghèo giữa những người sản xuất hàng hóa

B. Tăng năng suất lao động

C. Điều tiết sản xuất và lưu thông hàng hóa

D. Kích thích lực lượng sản xuất phát triển

Câu 27: Lao động xã hội của người sản xuất hàng hóa kết tinh trong hàng hóa gọi là gì?

A. Thời gian lao động xã hội cần thiết

B. Thời gian lao động cá biệt

C. Giá trị hàng hóa

D. Thời gian lao động cá nhân

Câu 28: Số lượng cầu phụ thuộc vào yếu tố nào nhất ?

A. Mức giá cả hàng hóa

B. Tâm lý, thị hiếu người tiêu dùng

C. Sở thích người tiêu dùng

D. Thu nhập

Câu 29: Trên thị trường người tiêu dùng chịu ảnh hưởng như thế nào về quan hệ cung – cầu ?

A. Vừa có lợi, vừa thua thiệt

B. Thiệt thòi, bị ép giá

C. Không bị ảnh hưởng gì

D. Luôn có lợi

Câu 30: Để giúp cho các chủ thể kinh tế kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh lành mạnh đúng kỷ cương. Nhà nước cần phải làm gì?

A. Để cho các chủ thể kinh tế tự do kinh doanh

B. Tạo hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách thuận lợi, hiệu quả

C. Quản lý các hoạt động của các chủ thể kinh tế

D. Bù lỗ cho các doanh nghiệp bị thua lỗ

Câu 31: Hành động nào là thể hiện sự **cạnh tranh lành mạnh** ?

A. Chèo kéo, tranh giành khách hàng

B. Giảm giá bán sản phẩm

C. Bêu xấu các sản phẩm của nhà sản xuất khác

D. Tẩy chay hàng hóa của nhà sản xuất khác

Câu 32: Thị trường bao gồm các nhân tố cơ bản nào ?

A. Hàng hóa, tiền tệ, chợ, siêu thị

B. Hàng hóa, tiền tệ, giá cả, giá trị

C. Cung – cầu, giá cả, tiền tệ

D. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán

Câu 33: Khi năng suất lao động tăng lên gấp 3 lần thì **lượng giá trị** của hàng hóa như thế nào ?

A. Tăng lên gấp 3 lần

B. Không thay đổi

C. Giảm xuống 1/2

D. Giảm xuống 1/3

Câu 34: Nội dung nào được xem là mặt hạn chế của cạnh tranh?

A. Kích thích sức sản xuất

B. Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

C. Khai thác tối đa mọi nguồn lực của đất nước -

D. Làm cho môi trường bị suy thoái

Câu 35: Cạnh tranh ra đời, tồn tại và phát triển khi nào ?

A. Khi sản xuất và lưu thông hàng hóa xuất hiện

B. Khi quy luật giá trị xuất hiện

C. Khi sản xuất hàng hóa xuất hiện

D. Khi lưu thông hàng hóa xuất hiện

Câu 36: Lưu thông tiền tệ do yếu tố nào quy định ?

A. Giá cả hàng hóa

B. Lưu thông hàng hóa

C. Chất lượng sản phẩm

D. Ngân hàng Nhà nước

Câu 37: Mục đích cuối cùng của cạnh tranh trong sản xuất và lưu thông hàng hóa là gì?

A. Giành lợi nhuận về mình nhiều hơn người khác

B. Trở thành người chi phối thị trường

C. Sản xuất được nhiều hàng hóa nhất

D. Bán được nhiều hàng hóa nhất

Câu 38: Hành vi nào sau đây là sự biểu hiện của sự cạnh tranh **không lành mạnh** ?

A. Hạ giá thành sản phẩm hút khách hàng

B. Tung ra nhiều khuyến mãi để thu

C. Đầu cơ tích trữ để nâng cao lợi nhuận----

D. Áp dụng khoa học – kỹ thuật hiện đại vào sản xuất

Câu 39: Xét tổng hàng hóa trên phạm vi toàn xã hội thì quy luật giá trị yêu cầu :

A. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải > Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX

B. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải = Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX

C. Tổng giá cả hàng hóa sau khi bán phải < Tổng giá trị hàng hóa được tạo ra trong SX

D. Tổng giá trị hàng hóa sau khi bán \geq Tổng giá cả hàng hóa được tạo ra trong SX

Câu 40: Trong nền kinh tế nước ta hiện nay, mức độ cạnh tranh như thế nào ?

A. Cạnh tranh thì ít, độc quyền nhiều hơn

B. Chỉ có cạnh tranh không có độc quyền

C. Vừa có cạnh tranh vừa có độc quyền tranh

D. Chỉ có độc quyền không có cạnh tranh

ĐÁP ÁN

1B 2B 3D 4A 5D 6A 7A 8C 9A 10C 11B 12B 13C 14A 15D 16C 17D 18C 19B 20D
21B 22D 23A 24D 25B 26D 27D 28C 29C 30B 31A 32C 33D 34A 35B 36A 37C 38A 39B
40D

11. Đề thi giữa HK1 môn GD CD 11 số 10

TRƯỜNG THPT NGÔ THỜI NHIỆM

ĐỀ THI GIỮA HK1 GD CD 11

Năm học 2021 - 2022

Môn: GD CD - Lớp 11

Câu 1: Hoạt động nào của con người được coi là cơ bản nhất và là cơ sở của đời sống xã hội?

A. Hoạt động chính trị.

C. Hoạt động nghệ thuật, thể thao.

B. Hoạt động sản xuất của cải vật chất.

D. Hoạt động thực nghiệm khoa học.

Câu 2: Sức lao động là:

A. Người lao động được sử dụng trong quá trình sản xuất.

B. Hoạt động có mục đích của con người để tạo ra của cải.

C. Lao động của con người.

D. Toàn bộ thể lực và trí lực của con người có thể được sử dụng trong quá trình sản xuất.

Câu 3: Phát triển kinh tế có ý nghĩa như thế nào đối với gia đình?

- A. Tăng thu nhập quốc dân và phúc lợi xã hội.
- B. Đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần ngày càng phong phú.
- C. Xây dựng gia đình văn hóa.
- D. Tạo điều kiện vật chất để củng cố an ninh, quốc phòng.

Câu 4: Trong tư liệu lao động, bộ phận nào cần được phát triển đi trước một bước so với đầu tư sản xuất trực tiếp?

- A. Công cụ lao động.
- B. Lao động.
- C. Kết cấu hạ tầng của sản xuất.
- D. Nguyên liệu cho sản xuất.

Câu 5: Các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất bao gồm:

- A. Lao động, đối tượng lao động và công cụ lao động.
- B. Lao động, sức lao động và đối tượng lao động.
- C. Sức lao động, đối tượng lao động và tư liệu lao động.
- D. Sức lao động, đối tượng lao động, tư liệu lao động và tư liệu sản xuất.

Câu 6: Những yếu tố tự nhiên mà lao động của con người tác động vào nhằm biến đổi nó cho phù hợp với mục đích của con người được gọi là gì?

- A. Đối tượng lao động.
- B. Tư liệu lao động.
- C. Công cụ lao động.
- D. Tài nguyên thiên nhiên.

Câu 7: Nhận định **đúng** về phát triển kinh tế:

- A. Phát triển kinh tế là tăng trưởng kinh tế bền vững.
- B. Phát triển kinh tế là sự tăng lên về số lượng và chất lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.
- C. Phát triển kinh tế là tăng trưởng kinh tế và nâng cao chất lượng cuộc sống.
- D. Phát triển kinh tế là sự tăng trưởng kinh tế gắn liền với cơ cấu kinh tế hợp lý, tiến bộ và công bằng xã hội.

Câu 8: Trong các yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, yếu tố nào bắt nguồn từ tự nhiên?

- A. Sức lao động.
- B. Đối tượng lao động và tư liệu lao động.
- C. Lao động.
- D. Chỉ có đối tượng lao động.

Câu 9: Hàng hóa là:

- A. Sản phẩm của lao động để thỏa mãn nhu cầu của con người.
- B. Sản phẩm của lao động có thể thỏa mãn nhu cầu nào đó của con người thông qua mua bán.
- C. Sản phẩm được mọi người công nhận là hàng hóa.
- D. Sản phẩm được sản xuất ra để bán.

Câu 10: Bản chất của tiền tệ là gì?

- A. Thước đo giá trị của hàng hóa.
- B. Phương tiện để lưu thông hàng hóa và để thanh toán.

- C. Hàng hóa đặc biệt, đóng vai trò làm vật ngang giá chung.
- D. Tiền giấy, tiền vàng và ngoại tệ.

Câu 11: Giá cả của hàng hóa là:

- A. Sự biểu hiện bằng tiền của giá trị hàng hóa.
- B. Sự thỏa thuận giữa người mua và người bán.
- C. Số tiền mà người mua phải trả cho người bán.
- D. Giá tiền đã in trên sản phẩm hoặc người bán quy định.

Câu 12: Thị trường bao gồm những yếu tố cơ bản nào?

- A. Hàng hóa, tiền tệ, cửa hàng, chợ.
- B. Hàng hóa, tiền tệ, người mua, người bán.
- C. Hàng hóa, người mua, người bán.
- D. Người mua, người bán, tiền tệ.

Câu 13: Chức năng tiền tệ thế giới được sử dụng khi nào?

- A. Tiền rút khỏi lưu thông.
- B. Dùng tiền để chi trả sau khi giao dịch, mua bán.
- C. Trao đổi hàng hóa vượt ra khỏi biên giới quốc gia.
- D. Tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi hàng hóa.

Câu 14: Hãy chỉ ra đâu là chức năng của tiền tệ?

- A. Thước đo kinh tế.
- B. Thước đo thị trường.
- C. Thước đo giá cả.
- D. Thước đo giá trị.

Câu 15: Hàng hóa có những thuộc tính nào sau đây?

- A. Giá trị sử dụng và giá trị.
- B. Giá trị trao đổi và giá trị sử dụng.
- C. Giá trị và giá trị trao đổi.
- D. Giá trị sử dụng và giá cả.

Câu 16: Tiền tệ có 5 chức năng. Chức năng nào không đòi hỏi nhất thiết là tiền vàng?

- A. Chức năng thước đo giá trị.
- B. Chức năng phương tiện cất trữ.
- C. Chức năng phương tiện lưu thông và phương tiện thanh toán.
- D. Chỉ chức năng phương tiện lưu thông.

Câu 17: Tiền tệ ra đời là do:

- A. Quá trình phát triển lâu dài của sản xuất hàng hóa.
- B. Quá trình phát triển lâu dài của lưu thông hàng hóa.
- C. Quá trình phát triển lâu dài của phân phối hàng hóa.
- D. Quá trình phát triển lâu dài của sản xuất, trao đổi hàng hóa và của 4 hình thái giá trị.

Câu 18: Công thức của lưu thông hàng hóa khi tiền làm môi giới trong quá trình trao đổi là:

- A. T – H – T'.
- C. H – T – H.

B. T – H – T.

D. T – H – T – H'.

Câu 19: Khi nào sản phẩm của lao động mang hình thái hàng hóa?

- A. Khi nó được người sản xuất hàng hóa sản xuất ra.
- B. Khi nó là đối tượng mua - bán trên thị trường.
- C. Khi nó thỏa mãn một nhu cầu bất kỳ nào đó của con người.
- D. Khi nó được mọi người công nhận là hàng hóa.

Câu 20: “Khi giá cả một loại hàng hóa nào đó tăng lên thì người sản xuất nói chung sẽ tăng sản xuất mặt hàng ấy, nhưng có thể làm cho người tiêu dùng giảm nhu cầu về hàng hóa ấy”. Nhận định trên phản ánh chức năng nào của thị trường?

- A. Chức năng điều tiết.
- B. Chức năng thông tin.
- C. Chức năng thừa nhận.
- D. Chức năng thúc đẩy tiến bộ kỹ thuật.

ĐÁP ÁN

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
A						x					x				x					x
B	x							x	x			x							x	
C			x	x	x					x			x			x		x		
D		x					x							x			x			